|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THCS-THPT PhanChâu Trinh** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH**

**Tổ SINH HỌC Năm học 2017 – 2018**

Căn cứ chỉ thị sô 3031/CT-BGDĐT ngày 26/8/2017 của bộ giáo dục và đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục phổ thông năm học 2017/2018.

Căn cứ quyết định sô 3966/QĐ-UBND ngày 25/7/20170cua3 UBND thành phố về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2017/2018 của giáo dục trung học phô thông trên địa bàn TPHCM.

Căn cứ Kế hoạch giáo dục năm học 2017 - 2018 của Trường THCS-THPT Phan Châu Trinh, Tổ sinh học xây dựng kế hoạch hoạt động năm học 2017 - 2018 như sau :

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

**1. Bối cảnh năm học**

Năm học 2017 - 2018 nhà trường

- Năm học 2017 – 2018 là năm học nhà trường tiếp tục triển khai , thực hiện các nội dung của nghị quyết số - Nghị quyết số 44/NQ-CP, ngày 09/6/2014 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: “*Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng đánh giá năng lực của người học; kết hợp đánh giá cả quá trình với đánh giá cuối kỳ học, cuối năm học theo mô hình của các nước có nền giáo dục phát triển”...*

- Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học, tăng cườn kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

**2. Thuận lợi**

- Được sự quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo kịp thời của BGH nhà trường

- Giáo viên trong tổ có kinh nghiệm giảng dạy, tinh thần tự giác cao, nhiệt tình công tác, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung.

- Năm học 2017 – 2018 là năm học GV đã làm quen với hình thức thi trắc nghiệm ở lớp 12 và làm quen với phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

- Giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo.

- Giáo viên tận tâm với công việc, tận tụy với HS, có tinh thần vượt khó về chuyên môn, để dạy tốt, chủ nhiệm tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần giúp đỡ đồng nghiệp

- Được sự đầu tư cơ sở vật chất cho các hoạt động trong giảng dạy của Hội đồng quản trị.

**3. Khó khăn**

- Đầu vào học sinh còn thấp nên ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả giáo dục.

- Một bộ phận không nhỏ học sinh học lệch, xem nhẹ bộ môn, tinh thần, phương pháp tự học của đa số học sinh chưa tốt nên ảnh hưởng chất lượng bộ môn.

- Khả năng tự học, kĩ năng đọc đề và phân tích đề yếu ,tính toán chậm ,mất kiến thức ở lớp dưới .

- Số ít PHHS chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình, dẫn đến tình trạng học sinh ham chơi, lười học còn nhiều.

4. Tình hình đội ngũ năm học 2017 - 2018

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Trình độ** | **Đạt chuẩn** | **Chuyên Môn** |
| 1 | Lê kim Nhung | Đại học | X | Sư phạm sinh |
| 2 | Vũ Thị Thu Hồng | Đại học | X | Sư phạm sinh |
| 3 | Trần Thị Điền Viên | Đại học | X | Sư phạm sinh |
| 4 | Võ Thị Xuân Thủy . | Đại học | X | Sư phạm kĩ thuật nông nghiệp |

**II. CÁC MỤC TIÊU NĂM HỌC**

1. Xây dựng Kế hoạch dạy học theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông:

2. Thực hiện đúng theo hướng dẫn thực hiện chương trình, nội dung giảm tải của Bộ giáo dục và chỉ đạo của Sở giáo dục.

- Tổ linh hoạt trong việc thực hiện khung phân phối chương trình để đưa các nội dung dạy học theo chủ đề tích hợp, tiết học ngoài nhà trường…

- Quy định về thời gian học:

+ Học kì I: Từ 14/8/2018 – 24/12/2017

Kiểm tra giữa kì I: Từ 9/9 đến 23/10/2017

Kiểm tra học kì I: Từ 18-24/12/2017

+ Học kì II: Từ 25/12/2017 -

Kiểm tra giữa kì II: Từ 5/3 đến 18/3/2018

Kiểm tra học kì I: Từ 23 - 29/4 /2018

3. Thực hiện dạy học theo chủ đề tích hợp:

- Dạy chủ đề tích hợp để hệ thống hóa,khắc sâu kiến thức, kĩ năng, bổ sung kiến thức mới.

- Dạy học theo chủ đề về di truyền và đột biến , môi trường và bảo vệ môi trường

**4. Dạy học 2 buổi/ ngày**: nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu của gia đình,và xã hội trong quản lí, giáo dục học sinh, tăng cường giáo dục kĩ năng sống.

**5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác giảng dạy nhằm phát huy tính tự học và sáng tạo của HS.**

- Mỗi giáo viên có ít nhất 1 giáo án điện tử trong học kì I.

- Sử dụng “ Trường học kết nối” mỗi giáo viên có 1 giáo án trên trường học kết nối.

**6. Tiếp tục phát huy mạnh mẽ công tác đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá:**

- Tiếp tục đổi mới PPDH phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS trong học tập. Rèn kĩ năng tự học, tự nghiên cứu nhằm đảm bảo cân đối giữa truyền thụ kiến thức và rèn luyện kĩ năng theo chuẩn kiến thức

- Giáo viên soạn giảng trong giáo án cần lưu ý “Định hướng hình thành năng lực cho HS”.Có hệ thống câu hỏi và bài tập đủ 4 mức độ, phân hóa đối tượng HS.

- Đa dạng hóa các loại hình học tập, ngoài việc tổ chức cho học sinh học ở trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học.

- Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực của HS,coi trọng đánh giá để giúp đỡ HS về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của HS trong quá trình dạy học.

- Kết hợp 1 cách hợp lí giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra. Chú ý hướng dẫn học sinh đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình.

-Đề kiểm tra chú trọng phần vận dụng nhất là cấp trung học phổ thông .

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận , ra đề và đáp án chuẩn xác, một tuần trước ngày kiểm tra.

**6. Đổi mới sinh hoạt Tổ chuyên môn**

- Dạy học theo hướng nghiên cứu bài học

- Dạy học chuyên đề theo định hướng phát triển năng lực học sinh: tiếp tục thực hiện ở khối 10 theo yêu cầu của sở : Trong học kì I có 1 chuyên đề “ Các đaqị phân tử hữu cơ ” và “Vận chuyển các chất qua màng” do cả tổ thực hiện.

- Thảo luận về phương pháp, kĩ thuật tổ chức học theo nhóm và hướng dẫn HS tự học.

- Cả tổ thống nhất xây dựng giáo án ở khối 10 và 11, mỗi khối một bài về phương pháp , kĩ thuật tổ chức hoạt động theo nhóm và hướng dẫn HS tự học. sau đó dạy trên lớp, cuối năm nộp giáo án này về Sở giáo dục.

- Tích cực tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn do sở và phòng giáo dục tổ chức

**III. CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN**

1. Xây dựng tư tưởng, đạo đức tác phong của giáo viên

\* Nhiệm vụ:

- Tham gia đầy đủ và nghiêm túc các lớp học tập, bồi dưỡng chính trị

- Tích cực hưởng ứng, tuyên tuyền các phong trào thi đua, nhận thức sâu sắc việc xây dựng trừơng học thân thiện, học sinh tích cực là ***động lực lớn*** để thúc đẩy, nâng cao chất lượng dạy học

**\* Chỉ tiêu:**

- 100% giáo viên trong Tổ tham gia tốt kế hoạch tự BD và BD của nhà trường

- 100% giáo viên không vi phạm pháp luật; không vi phạm đạo đức nhà giáo; thực hiện tốt quy chuẩn đạo đức nhà giáo; thực hiện tốt các quy chế, chuyên môn, quy định về nền nếp , kỷ cương nhà trường

**\*Các biện pháp thực hiện**

**-** Thông báo nhắc nhở giáo viên trong tổ tham gia đầy đủ các buổi các lớp học bồi dưỡng chính trị.

- Trong các giờ dạy, GV tạo mọi điều kiện cho HS hoạt động tính cực trên tinh thần cởi mở, thân thiện .

-Tham gia các hoạt động nhà trường để xây dựng nhà trường an toàn, lành mạnh; thân thiện; xây dựng môi trường học tập trong từng giờ dạy, giờ học, lớp học.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “ Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương về đạo đức, tự học, tự sáng tạo”, cuộc vận động “Dân chủ – kỉ cương – tình thương – trách nhiệm”.

- Xây dựng tổ ngày càng vững mạnh: đoàn kết, nhất trí, hỗ trợ và tin cậy lẫn nhau, ửng xử thân thiện, văn minh, nâng cao ý thức tự học, tự rèn để nâng cao trình độ.

- Đẩy mạnh cuộc vận động “ Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Đưa nội dung cuộc vận động lồng ghép vào giảng dạy.

2. Giữ vững và nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, hạn chế học sinh yếu kém …

**\* Chỉ tiêu** : Không có học sinh kém, tỉ lệ yếu rất ít

**\* Biện pháp:**

**-** Nâng cao chất lượng dạy và học phù hợp với năng lực trình độ HS, phương pháp dạy học đổi mới tạo hướng thú cho HS.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS.

- Phối hợp với cha mẹ HS, GVCN để có biện pháp giáo dục tốt.

- Thường xuyên quan tâm, động viên, giúp đỡ những HS có hoàn cảnh gia đình khó khăn phấn đấu hơn trong học tập

- Tuyên truyền giáo dục nâng cao tinh thần học tập của HS.

- Phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS để thu hút HS hứng thú tham gia mọi hoạt động nhằm đẩy mạnh chất lượng dạy và học**.**

**3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh giáo dục học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu.**

**a) Về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.**

**\* Các chỉ tiêu:**

- Thực hiện đầy đủ chương trình, không cắt xén, bỏ nội dung dạy học.

- Có kế hoạch dạy học cho từng khối lớp được lãnh đạo nhà trường phê duyệt.

**\* Biện pháp thực hiện:**

- Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, đúng tiến độ.

- Đổi mới phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo trong học tập của HS, giúp HS vận dụng kiến thức trong giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Vận dụng có hiệu quả các phướng pháp dạy học phù hợp với nội dung bài giảng và đối tượng HS khác nhau.

- Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng phân hóa năng lực của HS dựa trên chuẩn kiến thức kĩ năng.

- Soạn giáo án đầy đủ, thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lí các hoạt động của HS và GV, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lí.

**b) Về bồi dưỡng học sinh giỏi**

**\* Chỉ tiêu:**

- Có học sinh lớp 10 tham gia thi Olympic

- Có đội tuyển HSG lớp 12 tham gia thi cấp thành phố

**\* Biện Pháp**

*-*Tuyển chọn những HS có năng lực tham gia vào đội tuyển ở các khối lớp ngay từ đầu cấp học và đầu năm học để tạo nguồn trong các đợt thi học sinh giỏi do Phòng, Cụm, và Sở GD&ĐT tổ chức.

- Phân công giáo viên có năng lực tham gia bồi dưỡng.

- Xây dựng chương trinh bồi dưỡng HSG ở các khối lớp.

*-* Kết hợp bồi dưỡng cả trong giờ chính khóa vàngoài giờ chính khóa.

**c) Về phụ đạo học sinh yếu**

- Ngay từ đầu năm phải phân loại được trình độ HS có biện pháp phù hợp với khả năng của từng HS.

- Chú ý quan tâm nhiều hơn và tăng cướng kiểm tra theo dõi quá trình học tập của HS.

- Phối hợp với cha mẹ HS và GVCN để giúp đỡ các em.

**4. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên.**

**\* Chỉ tiêu:**

- 100% GV trong tổ nắm vững chuẩn kiến thức, kĩ nang8theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện hiệu quả các hoạt động dự giờ, thao giảng.

- Tổ trưởng dự giờ các giáo viên trong tổ 2 tiết dạy/giáo viên/năm.

- Mỗi GV thực hiện ít nhất có 1 bài giảng có ứng dụng CNTT/ 1 học kì.

- Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên đúng quy định.

**\* Biện pháp:**

- Giáo viên dạy cùng khối cần thống nhất khung thời gian, nội dung trọng tâm, kiến thức liên môn, ĐDDH.

- Tổ chức thao giảng chuyên đề, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả ĐDDH, dạy học theo sơ đồ, biểu đồ, ôn tập, luyện tập.

- Tích cực tham gia trường học kết nối để trao đổi về chuyên môn và nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, mỗi lần họp phải 2/3 thời gian để thảo luận về những vấn đề chuyên môn

- Tổ chức thao giảng theo chuyên đề do tổ đề ra. Mỗi đợt thao giảng GV trong tổ phải đi dự đầy đủ và sau mỗi giờ dạy đều phải góp ý, đánh giá rút kinh nghiệm để khắc phục những hạn chế và phát huy những điểm mạnh.

- Tích cực tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn do sở và phòng giáo dục tổ chức.

- Chuẩn bị tốt nội dung hội thảo chuyên đề trong tổ.

- Tích cực tham gia trường học trực tuyến.

- Đảm bảo sinh hoạt tổ chuyên môn từ 2 lần /thángbằng nhiều hình thức .

**5. Tham gia Hội thi, hoạt động chuyên môn trường, Cụm, ngành …**

- Tăng cường tham gia các hoạt động chuyên sâu của trường, của cụm, của ngành như: dự giờ, thao giảng, hội thảo chuyên đề , dạy học theo chủ đề tích hợp.

- Hưởng ứng các ngày lễ lớn thamgia học tập tốt, dạy tốt như 20/11, 8/3.

**6. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, đánh giá phân loại đội ngũ giáo**

**viên.** -

- Lên kế hoạch kiểm tra ở từng học kì, ở từng nội dung, ở từng giáo viên theo lịch của nhà trường.

- Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm sau mỗi lần kiểm tra.

- Các bài kiểm tra từ 45 phút trở lên các tổ viên ra đề phải có ma trận nộp cho tổ trưởng trước khi kiểm tra.

**V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT**

- Đồ dùng dạy học cần bổ sung mới như tranh hay phim nhân đôi AND,phiên mã và các dạng đột biến .

- Trang thiết bị …

- Sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình them tài liệu Olympic

Trên đây là kế hoạch năm học 2017-2018 nhằm thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường của Tổ (nhóm)

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG** | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 10 năm 2017*  **Tổ trưởng**  **Lê Kim Nhung** |
| **Đính kèm:**  - Kế hoạch Thực hiện chương trình chi tiết  - Đăng ký thi đua … |  |

**PHỤ LỤC 1**

**ĐĂNG KÝ THI ĐUA**

**1. Danh hiệu thi đua, khen thưởng tập thể:** Tổ lao động tiên tiến.

**2. Danh hiệu thi đua cá nhân:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Đăng ký**  **danh hiệu thi đua** | **Ghi chú** |
| 1 | Lê kim Nhung | TTCM | LĐTT |  |
| 2 | Vũ Thị Thu Hồng |  | LĐTT |  |
| 3 | Trần Thị Điền Viên |  | LĐTT |  |
| 4 | Võ Thị Xuân Thủy . |  | LĐTT |  |

**PHỤ LỤC 3**

**LỊCH THỰC HIỆN NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung, hình thức** | **Đối tượng** | **Thời gian** | **Ghi chú** |
| 1 | Học chính trị tháng 7 | Toàn bộ giáo viên | Tháng 7/2017 |  |
| 2 | Bồi dưỡng học sinh giỏi | GV :Thủy ,Viên ,Nhung | Tháng 7/2017-3/2018 |  |
| 3 | Tuyên truyền về ngày thế giới phòng chống AIDS | Giao viên và học sinh | Tháng 12/2017 |  |
| 4 | Chống hút lá trong học đường | Học sinh và giáo viên tổ sinh | Tháng 11/2017 |  |

**PHỤ LỤC 4**

**DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên chuyên đề** | **Người thực hiện** | **Khối** | **Nội dung**  **công việc** | **Môn học liên quan (Chủ đề liên môn)** | **Ghi chú** |
| Tháng 7   * 12/8 | Ôn tập:1 Phân bào và cấu trúc tế bào ở sinh vật.  2.các hình thưc sinh sản ở sinh vật. | GV: K Nhung và Đ Viên | 12 | Chuẩn bị giáo án chủ đề .giáo viên khối 12 thảo luận và rút ra kinh nghiệm . | Sinh học 12 |  |
| Tháng 7  🡪12/8 | Tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực | GV: T.Hồng .T Thủy ,Đ.viên | 11 | Chuẩn bị giáo án chủ đề .giáo viên khối 11 thảo luận và rút ra kinh nghiệm | Sinh học khối 11 |  |
| 01/8🡪12/8 | Về di truyền cấp phân tử | GV: T.Hồng .T Thủy ,Đ.viên,K Nhung | 10 | Chuẩn bị giáo án chủ đề .giáo viên khối 10 thảo luận và rút ra kinh nghiệm | Sinh học 10 |  |
| Tháng 7  🡪12/8 | Sinh lí người và giới động vật ,giới thưc vật | GV: .T Thủy . | 9 | Chuẩn bị giáo án chủ đề .giáo viên khối 9  thảo luận và rút ra kinh nghiệm | Sinh học 9. |  |

**KẾ HOẠCH CỤ THỂ TỪNG THÁNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung công việc** | **Phụ trách** |
| Tháng 8/2017 | Thực hiện chuyên đề của các khối lớp .  Giao các nhóm lên kế hoạch giảng dạy năm học | Tổ trưởng và các giáo viên tham gia . |
| Tháng 9/2017 | **-Tham gia lễ** khai giảng .  -tham gia đại hội công đàon trường .  -hoàn chỉnh kế hoạch của mỗi nhóm  -Tìm nguồn học sinh giỏi .  -ôn tập và kiểm tra tập trung lớp 12. | Tổ trưởng và các giáo viên tham gia . |
| Tháng 10/2017 | **-**Tham gia đại hội công nhân viên chức của trường .  -ôn tập ra đề kiểm tra tập trung của 3 khồi 10,11,12.  -Bồi dưỡng học sinh giỏi 10,11,12.  -ngoại khóa ở Bến Tre của k12,6,7,8,9 | Giáo viên Thủy của tổ tham gia . |
| Tháng 11/2017 | **-**Tham gia dự lễ 20/11.  -Tiếp tục bồi dưỡng học sinh giỏi .  -Rađề cương chuẩn bị cho kiểm tra học kì I  -ngoại khóa về tác hại thuốc lá | Giáo viên tổ tham gia . |
| Tháng 12/2017 | **-**Ngoại khóa ngày toàn thế giới phòng chống AIDS  -Ôn tập kiểm tra học kì .  -Tiếp tục bồi dưỡng học sinh giỏi .  **-**Chấm bài ,lên điểm | Toàn bộ tổ tham gia . |
| Tháng 01/2018 | -họp bình thi đua học kì I.  -Sơ kết học kì I.  Rút kinh nghiệm và chuẩn bị cho học kì II  -Thi học sinh giỏi cụm 4.  -vào chương trình học kì II | Toàn bộ tổ tham gia . |
| Tháng 02/2018 | -nghỉ tết nguyên đán (12/2/2018🡪24/2/2018)  Thực hiện chương ôn tập cho khối 12**.** |  |
| Tháng 3/2018 | -Chào mừng 8/3.  -Thi học sinh giỏi TP lớp 12.  -Kiểm tra tập trung khối 10,11,12. | Toàn bộ tổ tham gia |
| Tháng 4/2018 | **-**lên kế hoạch ôn tập cho các khối để chuẩn bị thi học kì 2.  -Phụ đạo học sinh yếu kém ở Khối 12.  -Đề kiểm tra học kì II | Toàn bộ tổ tham gia |
| Tháng 5/2018 | Chấm bài lên điểm của THCS và THPT  -tổng kết năm học .  -Ôn tập thi tốt nghiệp .  - Báo cáo về tổ bộ môn | Toàn bộ tổ tham gia  Và giáo viên dạy 12  Tổ trưởng . |
| Tháng 6/2018 | **Ôn tập khối 12.** | **Giáo viên dạy 12.** |

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**NỘI DUNG: Dạy học, giảm tải, kiểm tra, đánh giá**

**NĂM HỌC 2017 – 2018**

**Khối 6**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **BÀI DẠY**  ***(Nội dung kiến thức, kỹ năng)*** | **Đồ dung dạy học** | **Nội dung giảm tải** | **Thời lượng dạy học** | **Nội dung kiểm tra** |
| 1 | **Bài 1 + 2: Mở đầu sinh học (Đặc điểm của cơ thể sống; Nhiệm vụ của sinh học);**  - Phân biệt được vật sống và vật không sống qua nhận biết dấu hiệu từ một số đối tượng.  - Nêu được những đặc điểm chủ yếu của cơ thể sống: trao đổi chất, lớn lên, vận động, sinh sản, cảm ứng qua các ví dụ.  - Nêu được các nhiệm vụ của Sinh học nói chung và của Thực vật nói riêng.  Rèn kĩ năng tìm hiểu đời sống hoạt động của sinh vật.  - Rèn kĩ năng quan sát, tư duy, suy luận.  - Rèn khả năng hoạt động nhóm, khai thác thông tin.  **Bài 3: Đại cương về thực vật (Đặc điểm chung của thực vật)**  **1. Kiến thức**  - Nêu được các đặc điểm chung của thực vật và sự đa dạng phong phú của chúng  - Trình bày được vai trò của thực vật và sự đa dạng phong phú của chúng  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh. kĩ năng hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. | GV: Tranh ảnh, mẫu vật về một vài nhóm sinh vật, sử dụng hình vẽ 2.1 SGK.  HS: Hòn đá, một đồ vật, một cây xanh, tranh ảnh về động vật.  GV: Tranh ảnh khu rừng vườn cây, sa mạc, hồ nước..;Bảng phụ. Một số mẫu cây sống trên cạn và mẫu cây sống dưới nước.  HS: Sưu tầm tranh ảnh các loài thực vật sống trên Trái Đất. Ôn lại kiến thức về quang hợp trong sách “Tự nhiên xã hội” ở tiểu học. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 2 | **Bài 4: Có phải tất cả thực vật đều có hoa?**  **1. Kiến thức**  - Phân biệt được đặc điểm của thực vật có hoa và thực vật không có hoa dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản (hoa, quả).  - Phân biệt cây một năm và cây lâu năm qua các dấu hiệu : Thời gian sống, số lần ra hoa kết quả trong đời.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, lắng nghe, phản hồi, làm việc theo nhóm, đảm nhận trách nhiệm, tìm kiếm thông tin.  - Vận dụng vào thực tế kể ví dụ về cây có hoa và cây không có hoa, cây 1 năm và cây lâu năm.  **Bài 5: Thực hành - Kính lúp, kính hiển vi và cách sử dụng**  **1. Kiến thức**  - Học sinh nhận biết được các bộ phận của kính lúp và kính hiển vi.  - Biết cách sử dụng kính lúp, các bước sử dụng kính hiển vi.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng thực hành.  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, lắng nghe, phản hồi, làm việc theo nhóm, đảm nhận trách nhiệm, tìm kiếm thông tin. | Tranh phóng to hình 4.1; 4.2 SGK. Mẫu cây cà chua, cây đậu (có cả hoa quả, hạt- nếu có), cây dương xỉ.  2. HS: HS sưu tầm tranh, cây dương xỉ, rau bợ...  GV: Kính lúp cầm tay, kính hiển vi. Mẫu: 1 vài bông hoa, rễ cây nhỏ...  2. HS: 1 đám rêu, rễ hành. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 3 | **Bài 6: Thực hành - quan sát tế bào thực vật**  **1. Kiến thức**  - Chuẩn bị tế bào thực vật để quan sát dưới kính hiển vi  - Quan sát tế bào biểu bì lá hành hoặc vảy hành, tế bào cà chua.Học sinh tự làm được 1 tiêu bản tế bào thực vật (tế bào vảy hành hoặc tế bào thịt quả cà chua chín).  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng sử dụng kính hiển vi, làm việc theo nhóm, đảm nhận trách nhiệm.  - Vẽ tế bào quan sát được  **Bài 7: Cấu tạo tế bào thực vật.**  **1. Kiến thức**  - Kể tên các bộ phận cấu tạo của tế bào thực vật : Kể tên các thành phần chính của tế bào thực vật (vách tế bào, màng sinh chất, chất tế bào và nhân) ; Chức năng của các thành phần.  - Nêu được khái niệm mô, kể tên được các loại mô chính của thực vật.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát hình vẽ, thu thập kiến thức, so sánh, lắng nghe, phản hồi, làm việc theo nhóm, đảm nhận trách nhiệm, tìm kiếm thông tin  - Vẽ sơ đồ cấu tạo tế bào thực vật. | 1. GV: - Biểu bì vẩy hành và thịt quả cà chua chín. - Kính hiển vi, bộ đồ dùng thực hành ( 7 bộ )  2. HS: - Mỗi nhóm một củ hành và một quả cà chua chín.  - Học kỹ lại bài 5.  1. Chuẩn bị của GV: Tranh phóng to hình 7.1; 7.2; 7.3; 7.4 ; 7.5 SGK. Bảng phụ  2. Chuẩn bị của HS: Sưu tầm tranh ảnh về tế bào thực vật. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 4 | **Bài 8: SỰ LỚN LÊN VÀ PHÂN CHIA CỦA TẾ BÀO**  **1. Kiến thức**  - Nêu sơ lược sự lớn lên và phân chia tế bào, ý nghĩa của nó đối với sự lớn lên của thực vật.  + Sự lớn lên của tế bào: Đặc điểm, điều kiện để tế bào lớn lên.  + Sự phân chia: Các thành phần than gia, quá trình phân chia, kết quả phân chia.  + Ý nghĩa của sự lớn lên và phân chia.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát hình vẽ, tìm tòi kiến thức, so sánh, lắng nghe, phản hồi, làm việc theo nhóm, đảm nhận trách nhiệm, tìm kiếm thông tin  **Bài 9:** **CÁC LOẠI RỄ, CÁC MIỀN CỦA RỄ**  **1. Kiến thức**  - Biết được cơ quan rễ: là cơ quan sinh dưỡng và vai trò của rễ đối với cây.  - Học sinh phân biệt được 2 loại rễ chính rễ cọc và rễ chùm.  - Nêu được vị trí mọc của các rễ, kích thước và ví dụ.  - Trình bày được các miền của rễ, vị trí và chức năng của từng miền.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát so sánh trên mẫu vật thật, và quan sát trên tranh, trình bày, lắng nghe.  - Rèn kĩ năng hoạt động nhóm, đảm nhận trách nhiệm, tìm kiếm thông tin. | Tranh phóng to hình 8.1; 8.2 SGK trang 27.  Một số câu có rễ: cây rau cải, cây nhãn, cây rau dền, cây hành...  - Tranh phóng to hình 9.1; 9.2; 9.3 SGK trang 29.  Chuẩn bị cây có rễ: cây cải, cây mít, cây hành, cỏ dại, đậu. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 5 | **Bài 10: CẤU TẠO MIỀN HÚT CỦA RỄ**  **1. Kiến thức**  - Trình bày được cấu tạo miền hút của rễ.  - Phân biệt các thành phần cấu tạo miền hút dựa vào vị trí, cấu tạo và chức năng chính của từng bộ phận.  - Phân biệt được tế bào thực vật và lông hút.  - Vẽ được sơ đồ cấu tạo miền hút.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát trình bày trên tranh vẽ. Vẽ hình  - Rèn kĩ năng hợp tác làm việc theo nhóm, trình bày, lắng nghe, đảm nhận trách nhiệm, tìm kiếm thông tin.  **Bài 11: Sự hút nước và muối khoáng của rễ**  **1. Kiến thức**  - Học sinh biết quan sát, phân tích kết quả thí nghiệm để tự xác định được vai trò của nước và 1 số loại muối khoáng chính đối với cây.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng thao tác, bước tiến hành thí nghiệm, phân tích và báo cáo kết quả thí nghiệm.  - Rèn kĩ năng hợp tác làm việc theo nhóm, lắng nghe, đảm nhận trách nhiệm, tìm kiếm thông tin. | Tranh phóng to hình 10.1; 10.2; 7.4 SGK, bảng phụ.  1. GV: tranh hình 11.1; 11.2 SGK. Bảng phụ  2. HS: Kết quả của các mẫu thí nghiệm 1,3 đã chuẩn bị trước 2 tuần ở lớp. | (*Cấu tạo từng bộ phần rễ trong bảng trang 32- Không dạy chi tiết từng bộ phận mà chỉ cần liệt kê tên bộ phận và nêu chức năng chính.)* | 2 tiết/tuần |  |
| 6 | **Sự hút nước và muối khoáng của rễ ( tt)**  **1. Kiến thức**  - Trình bày được vai trò của lông hút, cơ chế hút nước và chất khoáng.  - Nêu được đường đi của nước và muối khoáng : Lông hút -> vỏ -> mạch gỗ -> các bộ phận của cây.  - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hút nước và muối khoáng.  - Nêu được các ứng dụng thực tiễn có liên quan đến rễ cây.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích phát hiện kiến thức.  - Rèn kĩ năng thảo lụân, trình bày, lắng nghe.  - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng thực tế có liên quan .  **Bài 12: Thực hành - Quan sát biến dạng của rễ.**  **1. Kiến thức**  - Học sinh phân biệt được 4 loại rễ biến dạng và chức năng của chúng :  + Nêu các loại rễ biến dạng : rễ củ, rễ móc, rễ thở, giác mút.  + Phân biệt các loại rễ biến dạng dựa vào : Vị trí, đặc điểm và chức năng.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích trên tranh và mẫu vật thật.  - Kĩ năng thảo luận và hợp tác nhóm nhỏ. | Tranh phóng to hình 10.1; 11.2 SGK.  1. GV: Kẻ sẵn bảng đặc điểm các loại rễ biến dạng SGK trang 40. Tranh, mẫu một số loại rễ đặc biệt.  2. HS: Mỗi nhóm chuẩn bị; củ sắn, củ cà rốt, cành trầu không, tranh cây bần, cây bụt mọc... và kẻ bảng trang 40 vào vở. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 7 | **Bài 13: Cấu tạo ngoài của thân**  **1. Kiến thức**  - Học sinh nêu được các bộ phận cấu tạo ngoài của thân gồm: thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.  - Phân biệt cành, chồi ngọn và chồi nách ( chồi lá và chồi hoa) dựa vào vị trí, đặc điểm và chức năng..  - Nhận biết, phân biệt được các loại thân: thân đứng, thân leo, thân bò dựa vào cách mọc của thân.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích mẫu, tranh.  **Bài 14: Thân dài ra do đâu**  **1. Kiến thức**  - Trình bày được: thân mọc dài ra la do sự phân chia của mô phân sinh (ở phần ngọn và lóng của một số loài)  - Biết vận dụng cơ sở khoa học của bấm ngọn, tỉa cành để giải thích một số hiện tượng trong thực tế sản xuất.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng tiến hành thí nghịêm chứng minh về sự dài ra của thân.  - Kĩ năng quan sát, phân tích,so sánh. | 1. Chuẩn bị của GV: Tranh phóng to hình 13.1; 13.2; 13.3 SGk trang 43, 44.  Ngọn bí đỏ, ngồng cải.  Bảng phân loại thân cây.  2. Chuẩn bị của HS: Cành cây: râm bụt, hoa hồng, rau đay, ngọn bí đỏ, rau má, cây cỏ, kính lúp cầm tay, tranh 1 số loại cây.  1. Chuẩn bị của GV: Tranh phóng to hình 14.1; 13.1 ; Hình ảnh tư liệu.  2. Chuẩn bị của HS: Báo cáo kết quả thí nghiệm. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 8 | **Bài 15: Cấu tạo trong của thân non**  **1. Kiến thức**  - Trình bày được cấu tạo sơ cấp của thân non: gồm vỏ và trụ giữa.  - Phân biệt được các bộ phận của thân non dựa trên vị trí, cấu tạo, chức năng.  - Vẽ được sơ đồ cấu tạo của thân non.  - So sánh với cấu tạo trong của thân non và của rễ (miền hút)  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh.  - Rèn kĩ năng hoạt động nhóm.  **Bài 16: Thân to ra do đâu?**  **1. Kiến thức**  - Học sinh nêu được tầng sinh vỏ và tầng sinh trụ (sinh mạch) làm cho thân cây to ra . Phân biệt được tầng sinh vỏ và tầng sinh trụ dựa vào vị trí và chức năng.  - Phân biệt được dác và dòng. Tập xác định tuổi của cây qua việc đếm vòng gỗ hàng năm.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, nhận biết kiến thức. | 1. Chuẩn bị của GV: Tranh phóng to hình 15.1; 10.1 SGK.  Bảng phụ: “Cấu tạo trong thân non”  2. Chuẩn bị của HS: Ôn lại bài cấu tạo miền hút của rễ. Vở Luyện tập Sinh học 6  1. Chuẩn bị của GV: Đoạn thân gỗ già cưa ngang (thớt gỗ tròn)  Tranh phóng to hình 15.1; 16.1; 16.2  2. Chuẩn bị của HS: Chuẩn bị 1 thớt, 1 cành cây bằng lăng... dao nhỏ, giấy lau. | *(Cấu tạo từng bộ phận thân cây trong bảng trang 49- Không dạy (chỉ cần HS lưu ý phần bó mạch gồm mạch gỗ và mạch rây)* | 2 tiết/tuần |  |
| 9 | **Bài 17: Vận chuyển các chất trong thân**  **1. Kiến thức**  - Học sinh biết tự tiến hành thí nghiệm để chứng minh: nước và muối khoáng từ rễ lên thân, nhờ mạch gỗ, các chất hữu cơ trong cây được vận chuyển nhờ mạch rây.  - Các bước làm thí nghiệm: Chuẩn bị thí nghiệm; Tiến hành thí nghiệm; Nhận xét kết quả thí nghiệmvà kết luận.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng thao tác thực hành.  - Kĩ năng quan sát, nhận xét.  **Bài Thực hành - Quan sát biến dạng của thân**  **1. Kiến thức**  - Học sinh phân biệt được các đặc điểm chủ yếu về hình thái phù hợp với chức năng của một số thân biến dạng qua quan sát mẫu và tranh ảnh.  - Nhận dạng được một số thân biến dạng trong thiên nhiên.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát mẫu vật, nhận biết kiến thức qua quan sát, so sánh. | 1. Chuẩn bị của GV: Làm thí nghiệm trên nhiều loại hoa: hồng, cúc, huệ, loa kèn trắng, cành lá dâu, dâm bụt...  Kính hiển vi, dao sắc, nước, giấy thấm, 1 cành chiết ổi, hồng xiêm  1. Chuẩn bị của GV: Tranh phóng to hình 18.1 và 18.2 SGK.  Một số mẫu vật., tranh ảnh về thân biến dạng  2. Chuẩn bị của HS : Chuẩn bị một số củ đã dặn ở bài trước, que nhọn, giấy thấm, sách luyện tập sinh học 6. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 10 | **Ôn tập**  **1. Kiến thức**  - Học sinh củng cố được các kiến thức đã học từ chương mở đầu đến chương III.  - Nhận biết rõ các đặc điểm có trên các tranh vẽ.  - Hiểu được chức năng phù hợp với cấu tạo.  **2. Kĩ năng**  - Biết sử dụng kính lúp và kính hiển vi để quan sát.  - Kĩ năng quan sát, so sánh, vẽ hình và chú thích sơ đồ.  **Kiểm tra 1 tiết**  Theo chuẩn chung của phòng GD | Hình, clip dạy bằng PWP |  | 2 tiết/tuần |  |
| 11 | **Bài 19: Đặc điểm bên ngoài của lá**  **1. Kiến thức**  - Học sinh nêu được những đặc điểm bên ngoài của lá gồm: cuống, bẹ lá, phiến lá.  - Phân biệt được các kiểu lá đơn, lá kép, các kiểu xếp lá trên thân và cành, các kiểu gân trên phiến lá.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh nhận biết các bộ phân của lá trên mô hình hoặc tranh vẽ, mẫu vật thật.  - Rèn kĩ năng vẽ hình.  **Bài 20: Cấu tạo trong của phiến lá**  **1. Kiến thức**  + Kiến thức trọng tâm :Học sinh nắm được cấu tạo bên trong phù hợp với chức năng của phiến lá.  - Giải thích được đặc điểm màu sắc của 2 mặt phiến lá.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết. | 1. Chuẩn bị của GV: Sưu tầm lá, cành có đủ chồi nách, cành có kiểu mọc lá.  2. Chuẩn bị của HS: Chú ý nếu có điều kiện trọng nhóm nên có đủ loại lá, cành như yêu cầu bài trước.  1. Chuẩn bị của GV: Tranh phóng to hình 20.4 SGK.  Mô hình cấu tạo 1 phần phiến lá.  2. Chuẩn bị của HS : Vở luyện tập sinh học, phiếu học tập. | *(Mục 2: Thịt lá-- Phần cấu tạo chỉ chú ý đến các tế bào chứa lục lạp, lỗ khí ở biểu bì và chức năng của chúng. - Câu hỏi 4, 5 trang 67- Không yêu cầu HS trả lời)* | 2 tiết/tuần |  |
| 12 | **Bài 21: Quang hợp**  **1. Kiến thức**  - Học sinh tìm hiểu và phân tích thí nghiệm để tự rút ra kết luận: khi có ánh sáng lá có thể chế tạo được tinh bột và nhả khí oxi.  - Giải thích được 1 vài hiện tượng thực tế như: vì sao nên trồng cây ở nơi có nhiều ánh sáng, vì sao nên thả thêm rong vào bể nuôi cá cảnh.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng phân tích thí nghiệm, quan sát hiện tượng rút ra kết luận.  **Bài Quang hợp (tt)**  **1. Kiến thức**  - Tìm hiểu thí nghiệm lá cây cần chất gì và chất khí nào của không khí để chế tạo tinh bột + Chỉ ra được: các chất tham gia: CO2 và nước; các chất tạo thành: tinh bột và khí ô xi; điều kiện : có ánh sáng và chất diệp lục.  - Phát biểu được khái niệm đơn giản về quang hợp.  - Viết sơ đồ tóm tắt quá trình quang hợp.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh phân tích thí nghiệm, khái quát kiến thức. | 1. Chuẩn bị của GV: Dung dịch iôt, lá khoai lang, ống nhỏ.  Kết quả của thí nghiệm: 1 vài lá đã thử dung dịch iôt... tranh phóng to hình 21.1; 21.2 SGK.  2. Chuẩn bị của HS : Mang thí nghiệm đã chuẩn bị đến lớp.  - Ôn lại kiến thức tiểu học về chức năng của lá.  1. Chuẩn bị của GV: Thực hiện trước thí nghiệm, mang lá ở thí nghiệm đến lớp để thử kết quả với dung dịch iốt. Băng hình về thí nghiệm (nếu có)  2. Chuẩn bị của HS: Ôn lại kiến thức về cấu tạo của lá, sự vận chuyển nước của rễ, ôn lại bài quang hợp của tiết trước. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 13 | **Bài 22: Ảnh hưởng của các điều kiện bên ngoài đến quang hợp Ý nghĩa của quang hợp**  **1. Kiến thức**  **-**  Học sinh nắm được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quang hợp.  - ý nghĩa của quá trình quang hợp.  - Giải thích việc trồng cây cần chú ý đến mật độ và thời vụ  - Tìm được các VD thực tế chứng tỏ ý nghĩa quan trọng của quang hợp.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng khai thác thông tin, nắm bắt thông tin.  **Bài 23: Cây có hô hấp không?**  **1. Kiến thức**  - Học sinh phân tích thí nghiệm và tham gia thiết kế 1 thí nghiệm đơn giản, HS phát hiện được có hiện tượng hô hấp ở cây.  - Giải thích được ở cây, hô hấp diễn ra suốt ngày đêm, dùng ô xi để phân huỷ chất hữu cơ thành khí cacbonic, nước và sản sinh năng lượng  - Nêu được khái niệm đơn giản về hiện tượng hô hấp , viết sơ đồ tóm tắt quá trình hô hấp và hiểu được ý nghĩa hô hấp đối với đời sống của cây.  - Giải thích được khi đất thoáng, rễ cây hô hấp mạnh tạo điều kiện cho rễ hút nước và muối khoáng mạnh mẽ.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát thí nghiệm, tìm kiến thức.  - Tập thiết kế thí nghiệm. | 1. Chuẩn bị của GV: Sưu tầm tranh ảnh về một số cây ưa sáng và ưa bóng. Tìm tranh ảnh về vai trò của quang hợp với đời sống động vật và con người.  2. Chuẩn bị của HS: Ôn tập kiến thức ở tiểu học về các chất khí cần thiết cho động vật và thực vật.  1. Chuẩn bị của GV: Có điều kiện làm thí nghiệm 1 trước 1 giờ.  Các dụng cụ để làm thí nghiệm 2 như SGK.  2. Chuẩn bị của HS: Ôn lại bài quang hợp, kiến thức tiểu học về vai trò của khí oxi. | *(Câu hỏi 4, 5- Không yêu cầu HS trả lời)* | 2 tiết/tuần |  |
| 14 | **Bài 24: Phần lớn nước vào cây đã đi đâu?**  **1. Kiến thức**  Trình bày được hơi nước thoát ra khỏi lá qua các lỗ khí: Nêu thí nghiệm chứng minh cây thoát hơi nước qua lá; cấu tạo lỗ khí phù hợp với chức năng thoát hơi nước.  Viết được sơ đồ đường đi của nước từ lông hút -> vỏ rễ -> mạch dẫn của rễ -> mạch dẫn của thân -> lá -> thoát ra ngoài.  - Nêu được ý nghĩa quan trọng của sự thoát hơi nước qua lá.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết so sánh kết quả thí nghiệm tìm ra kiến thức.  **Bài Thực hành- Quan sát biến dạng của lá.**  **1. Kiến thức**  Nêu được các dạng lá biến dạng( thành gai, tua cuốn, lá vảy, lá dự trữ, lá bắt mồi) theo chức năng và môi trường sống. Từ đó hiểu được ý nghĩa biến dạng của lá.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết kiến thức từ mẫu. | 1. Chuẩn bị của GV: Thí nghiệm chứng minh sự thoát hơi nước qua lá.  Tranh vẽ phóng to hình 24.3 SGK.  Bảng phụ.  Chuẩn bị của HS: Xem lại bài: “Cấu tạo trong của phiến lá”.  Thí nghiệm chứng minh sự thoát hơi nước qua lá.  - GV: - Mẫu cây mây, cây đậu Hà Lan, cây hành còn lá xanh, củ dong ta, cành xương rồng.Tranh cây nắp ấm, cây bèo đất. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 15 | **Bài tập**  **1. Kiến thức**  Chữa một số bài tập trong vở luyện tập Sinh học 6  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng trả lời câu hỏi, trình bày cách làm bài tập  **Bài 26: Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên**  **1. Kiến thức**  Học sinh phát biểu được sinh sản sinh dưỡng là sự hình thành cá thể mới từ một phần cơ quan sinh dưỡng(rễ, thân ,lá)  - Nêu được khái niệm sinh sản sinh dưỡng tự nhiên, điều kiện: nơi ẩm.  - Tìm được một số VD về các hình thức sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.  - Nắm được các biện pháp tiêu diệt cỏ dại hại cây trồng và giải thích cơ sở khoa học của những biện pháp đó.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích mẫu. | Tranh vẽ hình 16.4 SGk, kẻ bảng SGK/88 vào bảng phụ.  Mẫu: Rau má, sài đất, củ gừng, củ nghệ có mầm, cỏ gấu, củ khoai lang có chồi, lá bỏng, lá hoa đá có mầm. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 16 | **Bài 27: Sinh sản sinh dưỡng do người***.*  **1. Kiến thức**  - Phân biệt được sinh sản sinh dưỡng tự nhiên và sínhản sinh dưỡng do người. Nêu được sự giống và khác nhau giữa hai hình thức trên.  - Trình bày được những ứng dụng trong thực tếcủa hình thức sinh sản do con người tiến hành.  - Phân biệt hình thức giâm cành, chiết cành, ghép cây, nhân giống vô tính trong ống nghiệm.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.  - Biết cách giâm, chiết, ghép.  **Bài 29: Cấu tạo và chức năng của hoa**  **1. Kiến thức**  Học sinh biết và phân biệt được các bộ phận chính của hoa, nêu các chức năng của mỗi bộ phận đó. Vai trò của hoa : Thực hiện chức năng sinh sản.  - Giải thích được vì sao nhị và nhuỵ là những bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích, tách bộ phận của thực vật. | Chuẩn bị của GV: Tranh phóng to hình 27.1 đến 27.4.  Mẫu vật: Cành sắn, cành dâu, ngọn mía, rau muống đã mọc rễ.  Chuẩn bị của GV: Máy chiếu.  Tranh phóng to hình 28.1 đến 27.3.  Mẫu vật: Râm bụt, hoa bưởi, hoa loa kèn, hoa cúc, hoa hồng. Kính lúp. | *- Mục 4. Nhân giống vô tính trong ống nghiệm-Không dạy. Câu hỏi 4- Không yêu cầu HS trả lời* | 2 tiết/tuần |  |
| 17 | **Bài 28: Các loại hoa**  **1. Kiến thức**  Học sinh phân biệt được 2 loại hoa: đơn tính và hoa lưỡng tính.  - Phân biệt được 2 cách xếp hoa trên cây biết được ý nghĩa sinh học của cách xếp hoa thành cụm.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, hoạt động nhóm.  **Ôn tập HKI**  Theo kế hoạch của phòng GD | Chuẩn bị của GV: Mẫu vật: một số mẫu hoa đơn tính và hoa lưỡng tính, hoa mọc đơn độc, hoa mọc thành cụm, tranh ảnh về các loại hoa. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 18 | **Kiểm Tra HKI**  **Đề phòng GD** |  |  | 1 tiết/tuần |  |
| 19 | Trả bài HKI + sữa bài thi  **Bài 30 Thụ Phấn**  **1. Kiến thức**  -Học sinh nêu được : Thụ phấn là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy. Nêu được các bộ phận tham gia, mô tả hiện tượng và ví dụ.  - Phân biệt hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn. Dựa vào khái niệm, thời gian chín của nhị so với nhụy và lấy được ví dụ.  **2. Kĩ năng**  - Rèn luyện và củng cố các kĩ năng:  + Làm việc nhóm nhỏ.  + Quan sát mẫu vật, tranh vẽ. | 1.Chuẩn bị của GV: Mẫu vật: hoa tự thụ phấn, hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.  Tranh vẽ cấu tạo hoa bí đỏ.  Tranh ảnh một số hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.  2. Chuẩn bị của HS: Mỗi nhóm: 1 loại hoa tự thụ phấn, 1 loại hoa thụ phấn nhờ sâu bọ. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 20 | **Thụ Phấn (tt)**  **1. Kiến thức**  - Học sinh giải thích được tác dụng của những đặc điểm có ở hoa thụ phấn nhờ gió, so sánh với thụ phấn nhờ sâu bọ.  - Hiểu hiện tượng giao phấn.  - Biết được vai trò của con người từ thụ phấn cho hoa góp phần nâng cao năng suất và phẩm chất cây trồng.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, thực hành.  - Biết cách thụ phấn bổ sung để tăng năng suất cây trồng.  **Bài 31: Thụ Tinh, kết quả và tạo hạt**  **1. Kiến thức**  + Kiến thức trọng tâm: Học sinh phân biệt được thụ phần và thụ tinh, tìm được mối quan hệ giữa thụ phấn và thụ tinh.  - Nhận biết được dấu hiệu cơ bản của sinh sản hứu tính  - Xác định được sự biến đổi các bộ phận của hoa thành quả và hạt sau khi được thụ tinh.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh tổng hợp.  - Kĩ năng hoạt động nhóm. | 1. Chuẩn bị của GV :  - Cây ngô có hoa, hoa bí ngô.  - Dụng cụ thụ phấn cho hoa.  - Băng hình hoặc tranh minh họa.  1. Chuẩn bị của GV : Tranh H 31.1 Sgk. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 21 | **Bài 32: Các loại quả.**  **1. Kiến thức**  - Học sinh nêu được các đặc điểm hình thái, cấu tạo của quả khô, quả thịt.  + Quả khô: - Đặc điểm vỏ quả khi chín. - Ví dụ: quả chò, quả cải.  + Quả thịt: - Đặc điểm vở quả khi chín. - Ví dụ: quả cà chua, quả xoài.  - Vận dụng kiến thức để biết cách bảo quản, chế biến, tận dụng quả và hạt sau khi thu hoạch.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh tổng hợp.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **Bài 33: Hạt và các bộ phận của hạt.**  **1. Kiến thức.**  Học sinh mô tả được các bộ phận của hạt : hạt gồm : vỏ, phôi và chất dinh dưỡng dự trữ.  - Vỏ hạt : + Vị trí.  + Chức năng.  - Phôi : + Các bộ phận của phôi  + Số lá mầm của phôi.  + Chức năng của phôi.  - Chất dinh dưỡng dự trữ : + Vị trí  + Chức năng.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích phát hiện kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm. | 1. Chuẩn bị của GV :- Sưu tầm 1 số loại quả khó tìm : quả đậu, cải, chò, xà cừ, bồ kết. - Tranh H 32.1 Sgk.  1. Chuẩn bị của GV : - Tranh H 33.1 ; 33.2 Sgk. Bảng phụ;  - Mẫu vật hạt đỗ đen ngâm và hạt ngô ngâm. đã trương lên. |  | 2 tiết/tuần |  |
| 22 | **Phát tán của quả và hạt;**  **1. Kiến thức**  - Giải thích được vì sao ở một số loài thực vật, quả và hạt có thể được phát tán xa.  - Nêu được : + Cách phát tán : Nhờ gió, nhờ động vật, nhờ người và tự phát tán.  + Đặc điểm của quả và hạt phù hợp với cách phát tán.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, tổng hợp rút ra kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm. | 1. Chuẩn bị của GV : - Tranh H 34.1 ; Sgk. Bảng phụ |  | 2 tiết/tuần | **Kiểm tra 15 phút.** |
| 23 | **Tổng kết về cây có hoa**  **Tổng kết về cây có hoa (tiếp theo)** |  | *Mục 1: cấu tạo của tảo và mục 2: một vài tảo khác thường gặp*  *Chỉ giới thiệu các đại diện bằng hình ảnh mà không đi sâu vào cấu tạo. - Câu hỏi 1, 2, 4: - Không yêu cầu HS trả lời. - Câu hỏi 3: - Không yêu cầu HS trả lời phần cấu tạo* | 2 tiết/tuần |  |
| 24 | **Tảo.**  **Rêu - Cây rêu.** |  |  | 2 tiết/tuần |  |
| 25 | Quyết - Cây dương xỉ  **1. Kiến thức :**  Trình bày được cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản  Nhận dạng một cây thuộc dương xỉ ngoài thiên nhiên. Phân biệt nó với cây có hoa  Biết được nguồn gốc hình thành các mỏ than  **2. Kỹ năng:**  Nhận biết + so sánh  Ôn tập | H 39.1,H 39.2, H 39.3 |  | 2 tiết/tuần |  |
| 26 | **Kiểm tra**  Hạt trần - Cây thông |  | *Mục 2: cơ quan sinh sản- Không bắt buộc so sánh hoa của hạt kín với nón của hạt trần.* | 2 tiết/tuần |  |
| 27 | Hạt kín - Đặc điểm của thực vật Hạt kín  Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm |  | *Câu hỏi 3- Không yêu cầu HS trả lời* | 2 tiết/tuần |  |
| 28 | **Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật**  **Nguồn gốc cây trồng.**  **1. Kiến thức :**  - Xác định được các dạng cây trồng ngày nay là két quả của quá trình chọn lọc từ cây dại  - Phân biệt cây dại và cây trồng  - Nêu được những biện pháp cải tạo cây trồng  **2. Kĩ năng:**  Rèn kỹ năng phân tích mẫu vật |  | *Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật- Không dạy chi tiết, chỉ dạy những hiểu biết chung về phân loại thực vật* | 2 tiết/tuần |  |
| 29 | Ôn tập- **Kiểm tra 15 phút**  Thực vật góp phần điều hoà khí hậu |  | *Bài:Sự phát triển của giới thực vật-Đọc thêm* | 2 tiết/tuần |  |
| 30 | Thực vật bảo vệ đất và nguồn nước  Bài 48: Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người |  |  | 2 tiết/tuần |  |
| 31 | Bảo vệ sự đa dạng của thực vật  Vi khuẩn |  |  | 2 tiết/tuần |  |
| 32 | Vi khuẩn (tiếp theo)  Nấm: Mốc trắng và Nấm rơm |  |  | 2 tiết/tuần |  |
| 33 | Nấm: Đặc điểm sinh học và tầm quan trọng  của nấm  Địa y |  |  | 2 tiết/tuần |  |
| 34 | Bài tập  Ôn tập học kì II |  |  | 2 tiết/tuần |  |
| 35 | **Kiểm tra học kì II** |  |  | 1 tiết/tuần |  |
| 36 | Trả bài **Kiểm tra HK II**  Thực hành - Tham quan thiên nhiên |  |  | 2 tiết/tuần |  |
| 37 | Thực hành - Tham quan thiên nhiên  Hệ thống hóa kiến thức chương trình sinh học 6 |  |  | 2 tiết/tuần |  |
| 38 | Tổng kết Năm học |  |  | 1 tiết/tuần |  |

**MÔN : SINH HỌC 7**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **BÀI DẠY**  ***(Nội dung kiến thức, kỹ năng)*** | **Đồ dùng dạy học** | **Nội dung giảm tải** | **Thời lượng dạy học** | **Nội dung kiểm tra** |
| 1 | **Bài 1: Thế giới động vật đa dạng và phong phú**  1. Kiến thức  - Học sinh chứng minh được sự đa dạng và phong phú của động vật thể hiện ở số loài và môi trường sống.  2. Kĩ năng  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  3. Thái độ  - Giáo dục ý thức học tập yêu thích môn học.    **Bài 2: Phân biệt động vật với thực vật. Đặc điểm chung của động vật**  1. Kiến thức  - Học sinh nắm được đặc điểm cơ bản để phân biệt động vật với thực vật.  - Nêu được đặc điểm chung của động vật.  - Nắm được sơ lược cách phân chia giới động vật.  2. Kĩ năng  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp  3. Thái độ  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  - Giáo dục ý thức học tập, yêu thích môn học. | Tranh ảnh về động vật và môi trường sống.  Tranh ảnh về động vật và môi trường sống |  | Mỗi tiết dạy 1 bài |  |
| 2 | **Bài 3:Thực hành: Quan sát một số động vật nguyên sinh**  **a. Kiến thức**  - Học sinh thấy được ít nhất 2 đại diện điển hình cho ngành động vật nguyên sinh lag: trùng roi và trùng đế giày.  - Phân biệt được hình dạng, cách di chuyển của 2 đại diện này.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng sử dụng và quan sát mẫu bằng kính hiển vi.  **c. Thái độ**  - Nghiêm túc, tỉ mỉ, cẩn thận.  **Bài 4: Trùng roi**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được đặc điểm cấu tạo, dinh dưỡng và sinh sản của trùng roi xanh, khả năng hướng sáng.  - HS thấy được bước chuyển quan trọng từ động vật đơn bào đến động vật đa bào qua đại diện là tập đoàn trùng roi.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, thu thập kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập. | - Kính hiển vi, lam kính, la men, kim nhọn, ống hút, khăn lau.  - Tranh trung đế giày, trùng roi, trùng biến hình.  -Váng nước ao, hồ, rễ bèo Nhật Bản, rơm khô ngâm nước trong 5 ngày.  Phiếu học tập, tranh phóng to H 1, H2, H3 SGK. | - Mục 1 (phần 1): cấu tạo và di chuyển (Không dạy)  - Mục 4: tính hướng sáng (Không dạy)  - Câu hỏi 3 trang 19 (Không yêu cầu HS trả lời) |  |  |
| 3 | **Bài 5: Trùng biến hình và trùng giày**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được đặc điểm cấu tạo, di chuyển, dinh dưỡng và sinh sản của trùng biến hình và trùng giày.  - HS thấy được sự phân hoá chức năng các bộ phận trong tế bào của trùng giày, đó là biểu hiện mầm mống của động vật đa bào.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập.  **Bài 6: Trùng kiết lị và trùng sốt rét**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được đặc điểm cấu tạo của trùng sốt rét và trùng kiết lị phù hợp với lối sống kí sinh.  - HS chỉ rõ được những tác hại do 2 loại trùng này gây ra và cách phòng chống bệnh sốt rét.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, thu thập kiến thức qua kênh hình.  - Kĩ năng phân tích, tổng hợp.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức vệ sinh, bảo vệ môi trường và cơ thể | Hình phóng to 5.1; 5.2; 5.3 trong SGK.  - Chuẩn bị tư liệu về động vật nguyên sinh.  Tranh phóng to H 6.1; 6.2; 6.4 SGK.  - HS kẻ phiếu học tập bảng 1 trang 24 “Tìm hiểu về bệnh sốt rét” vào vở. |  |  |  |
| 4 | **Bài7: Đặc điểm chung-vai trò thực tiễn của động vật nguyên sinh**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được đặc điểm chung của động vật nguyên sinh.  - HS chỉ ra được vài trò tích cực của động vật nguyên sinh và những tác hại do động vật nguyên sinh gây ra.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, thu thập kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, giữ vệ sinh môi trường và cá nhân.  **Bài 8: Thủy tức**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được đặc điểm hình dạng, cấu tạo, dinh dưỡng và cách sinh sản của thuỷ tức, đại diện cho ngành ruột khoang và là ngành động vật đa bào đầu tiên.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, tìm kiếm kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm, phân tích, tổng hợp.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, thái độ yêu thích môn học | Tranh vẽ một số loại trùng.  - Tư liệu về trùng gây bệnh ở người và động vật.  Tranh thuỷ tức di chuyển, bắt mồi, tranh cấu tạo trong,  -thuỷ tức nếu bắt được. | Nội dung về trùng lỗ (Không dạy)  - Bảng trang 30  (Không dạy cột cấu tạo và chức năng)  - Câu hỏi 3 trang 32 (Không yêu cầu HS trả lời) |  | Kiểm tra 15 p |
| 5 | **Bài 9: Đa dạng của ngành ruột khoang**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được sự đa dạng của ngành ruột khoang được thể hiện ở cấu tạo cơ thể, lối sống, tổ chức cơ thể, di chuyển.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, thái độ yêu thích môn học.  **Bài 10: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Ruột khoang**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được những đặc điểm chung nhất của ngành ruột khoang.  - Học sinh chỉ rõ được vai trò của ngành ruột khoang trong tự nhiên và trong đời sống.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, tìm kiếm kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm, phân tích, tổng hợp.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, thái độ yêu thích môn học, bảo vệ động vật quý, có giá trị. | Tranh hình SGK.  - Sưu tầm tranh ảnh về sứa, san hô, hải quỳ.  1 đoạn xương san hô  Tranh phóng to hình 10.1 SGK trang 37.  **-**kẻ bảng: Đặc điểm chung của một số đại diện ruột khoang, chuẩn bị tranh ảnh về san hô. |  |  |  |
| 6 | **Bài 11: Sán lá gan**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được đặc điểm nổi bật của ngành giun dẹp là cơ thể đối xứng 2 bên.  - Học sinh chỉ rõ được đặc điểm cấu tạo của sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, thu thập kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng chống giun sán kí sinh cho vật nuôi.  **Bài 12: Một số giun dẹp khác và đặc điểm chung của ngành giun dẹp**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được hình dạng, vòng đời của một số giun dẹp kí sinh.  - HS thông qua các đại diện của ngành giun dẹp nêu được những đặc điểm chung của giun dẹp.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh, thu thập kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh cơ thể và môi trường. | Tranh sán lông và sán lá gan.  - Tranh vòng đời của sán lá gan.  Chuẩn bị tranh một số giun dẹp kí sinh. | Phần trang 41 và bảng trang 42 (Không dạy)  - Mục 2: Đặc điểm chung (Không dạy) |  |  |
| 7 | **Bài 13: Giun đũa**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được đặc điểm cơ bản về cấu tạo di chuyển và dinh dưỡng, sinh sản của giun đũa thích nghi với đời sống kí sinh.  - HS nắm được những tác hại của giun đũa và cách phòng tránh.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân và môi trường.  **Bài 14: Một số giun tròn khác và đặc điểm chung của ngành giun tròn**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nêu rõ được một số giun tròn đặc biệt là nhóm giun tròn kí sinh gây bệnh, từ đó có biện pháp phòng tránh.  - Nêu được đặc điểm chung của ngành giun tròn.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh cơ thể và môi trường, vệ sinh ăn uống. | Chuẩn bị tranh hình SGK  Tranh một số giun tròn, tài liệu về giun tròn kí sinh. | - Mục 2: Đặc điểm chung (Không dạy |  | Kiểm tra 15 p |
| 8 | **Bài 15: Giun đất**  **Bài 16: Thực hành: Mổ và quan sát giun đất**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nhận biết được loài giun khoang, chỉ rõ được cấu tạo ngoài (đốt, vòng tơ, đai sinh dục) và cấu tạo trong (một số nội quan).  **b. Kĩ năng**  - Tập thao tác mổ động vật không xương sống.  - Sử dụng các dụng cụ mổ, dùng kính lúp quan sát.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức tự giác, kiên trì và tinh thần hợp tác trong giờ học thực hành. | Bộ đồ mổ  - Tranh câm hình 16.1 – 16.3 SGK.  Chuẩn bị :1-2 con giun đất  - Học kĩ bài giun đất |  |  | Kiểm tra 15 p |
| 9 | **Bài 17: Một số giun đốt khác và đặc điểm chung của ngành giun đốt**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được đặc điểm đại diện giun đốt phù hợp với lối sống.  - HS nêu được đặc điểm chung của ngành giun đốt và vai trò của giun đốt.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp kiến thức.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức bảo vệ động vật.  **Kiểm tra 1 tiết** | Chuẩn bị tranh một số giun đốt phóng to như: rươi, giun đỏ, róm biển | - Mục 2: Đặc điểm chung (Không dạy |  |  |
| 10 | **Bài 18: Trai song**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được vì sao trai sông được xếp vào ngành thân mềm.  - Giải thích được đặc điểm cấu tạo của trai thích nghi với đời sống ẩn mình trong bùn cát.  - Nắm được các đặc điểm dinh dưỡng, sinh sản của trai.  - Hiểu rõ khái niệm: áo, cơ quan áo.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức yêu thích bộ môn.  **Bài 19: Quan sát một số thân mềm**  **a. Kiến thức**  - Học sinh quan sát cấu tạo đặc trưng của một số đại diện thân mềm.  - Phân biệt được các cấu tạo chính của thân mềm từ vỏ, cấu tạo ngoài đến cấu tạo trong.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ sử dụng kính lúp.  - Kĩ năng quan sát đối chiếu mẫu vật với hình vẽ.  **c. Thái độ**  - Giáo dục thái độ nghiêm túc, cẩn thận. | Tranh phóng to hình 18.2; 18.3; 18.4 SGK.  - Mẫu vật: con trai, vỏ trai. |  |  |  |
| 11 | **Bài 20: Thực hành: Quan sát một số thân mềm**  **a. Kiến thức**  - Học sinh quan sát cấu tạo đặc trưng của một số đại diện thân mềm.  - Phân biệt được các cấu tạo chính của thân mềm từ vỏ, cấu tạo ngoài đến cấu tạo trong.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ sử dụng kính lúp.  - Kĩ năng quan sát đối chiếu mẫu vật với hình vẽ.  **c. Thái độ**  - Giáo dục thái độ nghiêm túc, cẩn thận.  **Bài 21 Đặc điểm chung và vai trò của ngành thân mềm**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được sự đa dạng của ngành thân mềm.  - Trình bày được đặc điểm chung và ý nghĩa thực tiễn của ngành thân mềm.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh.  - Rèn kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức bảo vệ nguồn lợi từ thân mềm. | Mẫu trai, mực mổ sẵn.  - Mẫu trai, ốc, mực để quan sát cấu tạo ngoài.  - Tranh, mô hình cấu tạo trong của trai mực.  Tranh phóng to hình 21.1 SGK.  - Bảng phụ ghi nội dung bảng 1. |  |  |  |
| 12 | **Bài 22: Tôm song**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nắm được vì sao tôm được xếp vào ngành chân khớp, lớp giáp xác.  - Giải thích được các đặc điểm dinh dưỡng, sinh sản của tôm.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu vật.  - Rèn kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức yêu thích môn học.  **Bài 23: Mổ và quan sát tôm song**  **a. Kiến thức**  - Học sinh mổ và quan sát cấu tạo mang: nhận biết phần gốc chân ngực và các lá mang.  - Nhận biết một số nội quan của tôm như: hệ tiêu hoá, hệ thần kinh.  - Viết thu hoạch sau buổi thực hành bằng cách tập chú thích đúng cho các hình câm trong SGK.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng mổ động vật không xương sống.  - Biết sử dụng các dụng cụ mổ.  **c. Thái độ**  - Giáo dục thái độ nghiêm túc, cẩn thận. | Tranh cấu tạo ngoài của tôm.  - Mẫu vật: tôm sông    Tôm sông còn sống: 2 con.  - Chậu mổ, bộ đồ mổ, kính lúp.  - | Không dạy lí thuyết. Chuyển thành thực hành quan sát cấu tạo ngoài và hoạt động sống |  | Kiểm tra 15 p |
| 13 | **Bài 24: Đa dạng và vai trò của lớp giáp xác**  **a. Kiến thức**  - Học sinh trình bày một số đặc điểm về cấu tạo và lối sống của các đại diện giáp xác thường gặp.  - Nêu được vai trò thực tiễn của giáp xác.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục thái độ đúng đắn bảo vệ các giáp xác có lợi.  **Bài 25: Nhện và sự đa dạng của lớp hình nhện**  **a. Kiến thức**  - Học sinh trình bày được đặc điểm cấu tạo ngoài của nhện và một số tập tính của chúng.  - Nêu được sự đạng của hình nhện và ý nghĩa thực tiễn của chúng.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh, kĩ năng phân tích.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Bảo vệ các loài hình nhện có lợi trong tự nhiên. | Tranh phóng to hình 24 trong SGK (1-7)  Mẫu: con nhện  - Tranh câm cấu tạo ngoài của nhện và các mảnh giấy rời ghi tên các bộ phận, chức năng từng bộ phận.  - Tranh một số đại diện hình nhện. |  |  |  |
| 14 | **Bài 26: Châu chấu**  **a. Kiến thức**  - Học sinh trình bày được các đặc điểm cấu tạo ngoài của chấu chấu liên quan đến sự di chuyển.  - Nêu được các đặc điểm cấu tạo trong, các đặc điểm sinh sản và phát triển.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu vật.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức yêu thích môn học.  **Bài 27: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Sâu bọ**  **a. Kiến thức**  - Thông qua các đại diện nêu được sự đa dạng của lớp sâu bọ.  - Trình bày được đặc điểm chung của lớp sâu bọ.  - Nêu được vai trò thực tiễn của sâu bọ.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Biết cách bảo vệ các loài sâu bọ có ích và tiêu diệt sâu bọ có hại. | Mẫu: con châu chấu  - Mô hình châu chấu  - Tranh cấu tạo ngoài, cấu tạo trong của châu chấu.  Tranh một số đại diện của lớp sâu bọ | Mục III. Dinh dưỡng (Không dạy hình 26.4)  - Câu hỏi 3 trang 88 ( Không yêu cầu HS trả lời) |  |  |
| 15 | **Bài28: Thực hành: Xem băng hình về tập tính Sâu bọ**  **a. Kiến thức**  - Thông qua băng hình học sinh quan sát, phát hiện một số tập tính của sâu bọ thể hiện trong tìm kiếm, cất giữ thức ăn, trong sinh sản và trong quan hệ giữa chúng với con mồi hoặc kẻ thù.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát trên băng hình.  - Kĩ năng tóm tắt nội dung đã xem.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, yêu thích bộ môn.  **Bài 29: Đặc điểm chung và vai trò của ngành chân khớp**  **a. Kiến thức**  - Học sinh trình bày được đặc điểm chung của ngành chân khớp.  - Giải thích được sự đa dạng của ngành chân khớp.  - Nêu được vai trò thực tiễn của chân khớp.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích tranh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Có ý thức bảo vệ các loài động vật có ích. | - Tranh phóng to các hình trong bài. |  |  |  |
| 16 | **Bài 31: Cá chép**  **a. Kiến thức**  - HS hiểu đượcc ác đặc điểm đời sống cá chép.  - Giải thích được các đặc điểm cấu tạo ngoài của cá thích nghi với đời sống ở nước.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu vật.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, lòng say mê yêu thích bộ môn.  **Bài 32: Thực hành: Mổ cá**  **a. Kiến thức**  - HS xác định được vị trí và nêu rõ vai trò một số cơ quan của cá trên mẫu mổ.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng mổ trên động vật có xương sống.  - Rèn kĩ năng trình bày mẫu mổ.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức nghiêm túc, cẩn thận, chính xác. | Tranh cấu tạo ngoài của cá chép.  - Một con cá chép thả trong bình thuỷ tinh.(nếu có)  Mẫu cá chép  - Bộ đồ mổ, khay mổ, đinh ghim.  - Tranh phóng to hình 32.1 và 32.3 SGK.  - Mô hình não cá hoặc mẫu não mổ sẵn. | Không dạy lí thuyết. Chuyển thành thực hành quan sát cấu tạo ngoài và hoạt động sống |  |  |
| 17 | **Bài 33: Cấu tạo trong của cá Chép**  **a. Kiến thức**  - HS nắm được vị trí, cấu tạo các hệ cơ quan của cá chép.  - Giải thích được những đặc điểm cấu tạo trong thích nghi với đời sống ở nước.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, lòng say mê yêu thích bộ môn.  **Bài 34: Đa dạng và đặc điểm chung của Lớp Cá**  **a. Kiến thức**  - HS trình bày được sự đa dạng của cá về số loài , lối sống, môi trường sống.  - Trình bày được đặc điểm cơ bản phân biệt lớp cá sụn và lớp cá xương.  - Nêu được vai trò của cá trong đời sống con người.  - Trình bày được đặc điểm chung của cá.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh, so sánh để rút ra kết luận.  - Kĩ năng hoạt động nhóm. | Tranh cấu tạo trong của cá chép.  - Mô hình não cá  - Tranh sơ đồ hệ thần kinh cá chép  Tranh ảnh 1 số loài cá sống trong các điều kiện sống khác nhau.  - Bảng phụ ghi nội dung bảng SGK trang 111. |  |  |  |
| 18 | **Ôn tập** |  |  |  |  |
| 19 | **Ôn tập** |  |  |  |  |
| 20 | **Ôn tập** |  |  |  |  |
| 21 | **THI HỌC KÌ I** |  |  |  |  |
| 22 | **Bài 35: Ếch đồng**  **a. Kiến thức**  - HS trình bày được các đặc điểm đời sống của ếch đồng.  - Mô tả được đặc điểm cấu tạo ngoài của ếch đồng thích nghi với đời sống vừa ở cạn vừa ở nước.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu vật.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức bảo vệ động vật có ích.  **Bài 36: Thực hành: Quan sát cấu tạo trong của ếch đồng trên mẫu mổ**  **a. Kiến thức**  - HS nhận dạng các cơ quan của ếch trên mẫu mổ.  - Tìm những cơ quan, hệ cơ quan thích nghi với đời sống mới chuyển lên cạn.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh và mẫu vật.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Có thái độ nghiêm túc trong học tập. | Bảng phụ ghi nội dung bảng SGK trang 114.  - Tranh cấu tạo ngoài của ếch đồng.  - Mẫu: ếch nuôi trong lồng nuôi.  Mẫu mổ ếch đủ cho các nhóm.  - Mẫu mổ sọ hoặc mô hình não ếch.  - Bộ xương ếch.  -Tranh cấu tạo trong của ếch. |  |  |  |
| 23 | **Bài 37: Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Lưỡng Cư**  **a. Kiến thức**  - HS trình bày được sự đa dạng của lưỡng cư về thành phần loài, môi trường sống và tập tính.  - Hiểu rõ được vai trò của lưỡng cư với đời sống và tự nhiên.  - Trình bày được đặc điểm chung của lưỡng cư.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh hình nhận biết kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức bảo vệ động vật có ích.  **Bài 38: Thằn lằn bóng đuôi dài**  **a. Kiến thức**  - HS trình bày được các đặc điểm đời sống của thằn lằn bóng.  - Giải thích được các đặc điểm cấu tạo ngoài của thằn lằn thích nghi với đời sống ở cạn.  - Mô tả được cách di chuyển của thằn lằn.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục niềm yêu thích môn học. | Tranh ảnh 1 số loài lưỡng cư. |  |  |  |
| 24 | **Bài 39: Cấu tạo trong của Thằn Lằn**  **a. Kiến thức**  - HS trình bày được các đặc điểm cấu tạo trong của thằn lằn phù hợp với đời sống hoàn toàn ở cạn.  - So sánh với lưỡng cư để thấy được sự hoàn thiện của các cơ quan.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh.  - Kĩ năng so sánh.  **c. Thái độ**  - Giáo dục niềm yêu thích môn học.  **Bài 40 : Đa dạng và đặc điểm chung của lớp bò sát**  **a. Kiến thức**  - HS trình bày được sự đa dạng của bò sát thể hiện ở số loài, môi trường sống và lối sống.  - Trình bày được đặc điểm cấu tạo ngoài đặc trưng phân biệt 3 bộ thường gặp trong lớp bò sát.  - Giải thích được lí do sự phồn thịnh và diệt vong của khủng long.  - Nêu được vai trò của bò sát trong tự nhiên và đời sống.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục thái độ yêu thích, tìm hiểu tự nhiên. | Tranh cấu tạo ngoài thằn lằn bóng.  - Bảng phụ ghi nội dung bảng trang 125 SGK.  - Phiếu học tập ghi nội dung so sánh đặc điểm đời sống thằn lằn bóng và ếch đồng.  - Tranh một số loài khủng long. | Phần lệnh (Mục I. Đa dạng của bò sát) - Không yêu cầu HS trả lời lệnh |  |  |
| 25 | **Bài 41 : Chim bồ Câu**  **a. Kiến thức**  - HS trình bày được đặc điểm đời sống, cấu tạo ngoài của chim bồ câu.  - Giải thích được các đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay lượn.  - Phân biệt được kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay lượn.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục thái độ yêu thích bộ môn.  **Bài 42: Thực hành: Quan sát bộ xương, mẫu mổ chim bồ câu**  **a. Kiến thức**  - HS nhận biết một số đặc điểm của bộ xương chim thích nghi với đời sống bay.  - Xác định được các cơ quan tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, bài tiết và sinh sản trên mẫu mổ chim bồ câu.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết trên mẫu mổ.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục thái độ nghiêm túc, tỉ mỉ. | Tranh cấu tạo ngoài của chim bồ câu.  - Bảng phụ ghi nội dung bảng 1và 2 trang 135, 136. |  |  | Kiểm tra 15 p |
| 26 | **Bài 43: Cấu tạo trong của chim bồ câu**  **a. Kiến thức**  - Học sinh trình bày được hoạt động của các cơ quan dinh dưỡng, thần kinh thích nghi với đời sống bay.  - Nêu được điểm sai khác trong cấu tạo của chim bồ câu so với thằn lằn.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát tranh, kĩ năng so sánh.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức yêu thích bộ môn.  **Bài 44 : Đa dạng và đặc điểm chung của lớp chim**  **a. Kiến thức**  - Trình bày được các đặc điểm đặc trưng của các nhóm chim thích nghi với đời sống từ đó thấy được sự đa dạng của chim.  - Nêu được đặc điểm chung và vai trò của chim.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức bảo vệ các loài chim có lợi. | - Tranh bộ xương và cấu tạo trong của chim Mô hình bộ não chim bồ câu.  Tranh phóng to hình 44 SGK. | - Phần lệnh : Đọc bảng và hình 44.3 (dòng 1 trang 145) - Không yêu cầu HS trả lời lệnh  - Câu hỏi 1 trang 146 ( Không yêu cầu HS trả lời ) |  |  |
| 27 | **Bài 45 : Thực hành: Xem phim về tập tính chim**  **1. Kiến thức**  - Củng cố, mở rộng bài học qua hình về đời sống và tập tính của chim bồ câu và những loài chim khác.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát trên băng hình.  - Kĩ năng tóm tắt nội dung đã xem băng hình.  **3. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, yêu thích môn học.  **Bài 46 : Thỏ**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nêu được những đặc điểm đời sống và hình thức sinh sản của thỏ.  - Học sinh thấy được cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết kiến thức.  - Rèn kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức yêu thích môn học. | Tranh hình 46.2; 46.3 SGK.  - Một số tranh về hoạt động sống của thỏ. |  |  |  |
| 28 | **Bài 47 : Cấu tạo trong của thỏ nhà**  **a. Kiến thức**  - Học sinh hiểu được đặc điểm cấu tạo chủ yếu của bộ xương và hệ cơ liên quan tới sự di chuyển của thỏ.  - Học sinh nêu được vị trí, thành phần và chức năng của các cơ quan sinh dưỡng.  - Học sinh chứng minh bộ não thỏ tiến hoá hơn não của các lớp động vật khác.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, thu thập kiến thức.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức bảo vệ động vật.  **Bài 48: Đa dạng của lớp thú- Bộ thú huyệt, Bộ thú túi**  **a. Kiến thức**  - Học sinh hiểu và trình bày được sự đa dạng của lớp thú thể hiện ở số loài, số bộ, tập tính của chúng.  - Giải thích được sự thích nghi về hình thái, cấu tạo với những điều kiện sống khác nhau.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, yêu thích bộ môn. | Tranh, mô hình bộ xương thỏ và thằn lằn.  - Tranh phóng to hình 47.2 SGK.  - Mô hình não thỏ , bò sát, cá.  Hình phóng to 48.1; 48.2 SGK.  - Tranh ảnh về đời sống của thú mỏ vịt và thú có túi. | - Phần lệnh ( Phần II. Bộ Thú túi) trang 157 – (Không dạy )  - Câu hỏi 2 trang 158 ( Không yêu cầu HS trả lời) |  |  |
| 29 | **Bài 49 : Đa dạng của lớp thú(Tiếp theo)- Bộ dơi, Bộ cá voi**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nêu được đặc điểm cấu tạo của dơi và cá voi phù hợp với điều kiện sống.  - Thấy được 1 số tập tính của dơi và cá voi.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức yêu thích môn học.  **Bài 50 : Đa dạng của lớp thú-(Tiếp theo) Bộ ăn sâu bọ, Bộ gặm nhấm, Bộ ăn thịt**  **a. Kiến thức**  - Học sinh trình bày được cấu tạo thích nghi với đời sống của bộ thú ăn sâu bọ, bộ thú gặm nhấm và bộ thú ăn thịt.  - Học sinh phân biệt được từng bộ thú thông qua những đặc điểm cấu tạp đặc trưng.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, tìm kiếm kiến thức.  - Kĩ năng thu thập thông tin và kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức tìm hiểu thế giới động vật để bảo vệ loài có lợi. | Tranh cá voi, dơi.  - Tranh chân, răng chuột chù.  - Tranh sóc, chuột đồng và bộ răng chuột.  - Tranh bộ răng và chân của mèo. | - Phần lệnh trang 160 ( Không dạy)  - Phần lệnh trang 164 ( Không dạy)  - Câu hỏi 1 trang 165( Không yêu cầu HS trả lời) |  |  |
| 30 | **Bài 51 : Đa dạng của lớp thú(Tiếp theo)- Các bộ móng guốc và bộ linh trưởng**  **a. Kiến thức**  - Học sinh hiểu và trình bày được những đặc điểm cơ bản của thú móng guốc và phân biệt được bộ móng guốc chẵn với bộ móng guốc lẻ.  - Nêu được đặc điểm bộ linh trưởng, phân biệt được các đại diện của bộ linh trưởng.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức yêu quý và bảo vệ động vật rừng.  **Bài 52 :Thực hành : Xem phim về tập tính thú** | Tranh phóng to chân của lợn, bò, tê giác. |  |  | Kiểm tra 15 p |
| 31 | **Bài 53: Môi trường sống và sự vận động, di chuyển**  🡺Ôn tập  **Kiểm tra 1 tiết** |  | Môi trường sống và sự vận động, di chuyển (Không dạy) |  |  |
| 32 | **Bài 54: Tiến hóa về tổ chức cơ thể**  **a. Kiến thức**  - Học sinh hiểu và trình bày được mức độ phức tạp dần trong tổ chức cơ thể của cá lớp động vật thể hiện ở sự phân hoá về cấu tạo và chuyên hoá về chức năng.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng so sánh, quan sát.  - Kĩ năng phân tích, tư duy.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, yêu thích môn học.  **Bài 55 : Tiến hóa về sinh sản**  **a. Kiến thức**  - Học sinh hiểu và trình bày được sự tiến hoá các hình thức sinh sản ở động vật từ đơn giản đến phức tạp (sinh sản vô tính đến sinh sản hữu tính).  - HS thấy được sự hoàn chỉnh các hình thức sinh sản hữu tính.  **b. Kĩ năng**  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức bảo vệ động vật đặc biệt trong mùa sinh sản. | Tranh phóng to hình 54.1SGK.  - chuẩn bị theo nội dung SGK, kẻ bảng SGK rang 176.  Tranh sinh sản vô tính ở trùng roi, thuỷ tức.  - Tranh về sự chăm sóc trứng và con. |  |  |  |
| 33 | **Bài 56 : Cây phát sinh động vật**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nêu được bằng chứng chứng minh mối quan hệ giữa các nhóm động vật là các di tích hoá thạch.  - HS đọc được vị trí quan hệ họ hàng của các nhóm động vật trên cây phát sinh động vật.  **b. Kĩ năng**  - Kĩ năng quan sát, so sánh, kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức yêu thích môn học.  **Bài 57 : Đa dạng sinh học**  **a. Kiến thức**  - Học sinh hiểu được đa dạng sinh học thể hiện ở số loài, khả năng thích nghi cao của động vật với các điều kiện sống khác nhau.  **b. Kĩ năng**  - Kĩ năng quan sát, so sánh, kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục lòng yêu thích môn học, khám phá tự nhiên. | Tranh sơ đồ hình 56.1 SGK.  - Tranh cây phát sinh giới động vật.  Tranh sơ đồ hình 58.1; 58.2 SGK.  - Tư liệu thêm về động vật ở đới lạnh và đới nóng |  |  |  |
| 34 | **Bài 58: Đa dạng sinh học (Tiếp theo)**  **a. Kiến thức**  - Học sinh thấy được sự đa dạng sinh học ở môi trường nhiệt đới gió mùa cao hơn ở đới lạnh và hoang mạc đới nóng là do khí hậu phù hợp với mọi loài sinh vật.  - Học sinh chỉ ra được những lợi ích của đa dạng sinh học trong đời sống, nguy cơ suy giảm và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.  **b. Kĩ năng**  - Kĩ năng phân tích, tổng hợp, suy luận.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên đất nước.  **Bài 59 : Biện pháp đấu tranh sinh học**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nêu được khái niệm đấu tranh sinh học.  - Thấy được các biện pháp chính trong đấu tranh sinh học là sử dụng các loại thiên địch.  - Nêu được những ưu điểm và nhược điểm của biện pháp đấu tranh sinh học.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng phân tích, so sánh, tư duy, tổng hợp.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức bảo vệ động vật, môi trường. | Tư liệu về đa dạng sinh học  Tranh hình 59.1 SGK.  - Tư liệu về đấu tranh sinh học. |  |  |  |
| 35 | **Bài 60: Động vật quý hiếm**  **a. Kiến thức**  - Học sinh trình bày được khái niệm về động vật quý hiếm.  - Thấy được mức độ tuyệt chủng của các động vật quý hiếm ở Việt Nam.  - Đề ra các biện pháp bảo vệ động vật quý hiếm.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng so sánh, phân tích, tổng hợp.  - Kĩ năng hoạt động nhóm.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức bảo vệ động vật quý hiếm.  **Bài 61 : Tìm hiểu một số động vật có tầm quan trọng ở địa phương**  **a. Về kiến thức**  - Học sinh tìm hiểu thông tin từ sách báo, thực tế sản xuất ở địa phương để bổ sung kiến thức về một số động vật có tầm quan trọng thực tế ở địa phương.  **b. Về kĩ năng**  - Rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp kiến thức.  **c. Về thái độ**  - Giáo dục ý thức yêu thích môn học. | Tranh hình 60.1 SGK.  - Tư liệu về đấu tranh sinh học. |  |  |  |
| 36 | **ÔN TẬP** |  |  |  |  |
| 37 | **ÔN TẬP** |  |  |  |  |
| 38 | **THI HỌC KÌ II** |  |  |  |  |
| 39 | **Bài 62 : Tìm hiểu một số động vật có tầm quan trọng ở địa phương**  **Bài 63 : Ôn tập**  **a. Kiến thức**  - Học sinh nêu được sự tiến hoá của giới động vật từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.  - Học sinh thấy rõ được đặc điểm thích nghi của động vật với môi trường sống.  - Chỉ rõ giá trị nhiều mặt của giới động vật.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp kiến thức.  **c. Thái độ**  - Giáo dục ý thức học tập, yêu thích bộ môn. |  |  |  |  |
| 40 | **Bài 64 : Tìm hiểu thiên nhiên**  **Bài 65 : Tìm hiểu thiên nhiên a. Kiến thức**  - Tạo cơ hội cho HS tiếp xúc với thiên nhiên và thế giới động vật.  - HS sẽ được nghiên cứu động vật sống trong tự nhiên.  **b. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng quan sát và sử dụng các dụng cụ để theo dõi hoạt động sống của động vật.  - Tập cách nhận biết động vật và ghi chép ngoài thiên nhiên.  **c. Thái độ**  - Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thế giới động vật, đặc biệt là động vật có ích. |  |  |  |  |
|  | **HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH** |  |  |  |  |

**MÔN : SINH HỌC 8**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **BÀI DẠY**  ***(Nội dung kiến thức, kỹ năng)*** | **Đồ dùng dạy học** | **Nội dung giảm tải** | **Thời lượng dạy học** | **Nội dung kiểm tra** |
| 1 | **Ôn tập** |  |  |  |  |
| 2 | **Ôn tập**  **Kiến thức trọng tâm sinh học 6** |  |  |  |  |
| 3 | **Ôn tập**  **Kiến thức trọng tâm sinh học 7** |  |  |  |  |
| 4 | **Bài 1:Bài mở đầu**  1. Kiến thức:  -Nêu được mục đích, nhiệm vụ, ý nghĩa của môn học.  -Xác định được vị trí của con người trong tự nhiên và các đặc điểm tiến hóa của con người so với động vật.  -Nêu được các phương pháp học tập bộ môn.  2. Kĩ năng:  -Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, tổng hợp.  -Kĩ năng tự nghiên cứu và hoạt động nhóm  3. Thái độ  -Yêu thích bộ môn.  **Bài 2:Cấu tạo cơ thể người**  **1** Kiến thức:  -Nêu được tên các cơ quan trong cơ thể, xác định vị trí của các hệ cơ quan trong cơ thể.  -Giải thích đượcvai trò của hệ thần kinh và hệ nội tiết trong sự điều hòa hoạt động của các cơ quan.  2. Kĩ năng:  -Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, tổng hợp.  -Kĩ năng tự nghiên cứu và hoạt động nhóm  3. Thái độ  -Yêu thích bộ môn.  -Có ý thức giữ gìn vệ sinh cơ thể. | -Mô hình cấu tạo cơ thể người.  -Chuẩn bị tranh vẽ H1.1, H1.2  Chuẩn bị mô hình người, bảng phụ | II. Sự phối hợp hoạt động của các cơ quan: Không dạy | Tuần 2 tiết; mỗi bài dạy 1 tiết |  |
| 5 | **Bài 3:Tế bào**  1. Kiến thức:  -Nêu được thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào gồm màng tế bào, chất tế bào, nhân.  -Phân biệt được chức năng từng cấu trúc của tế bào.  -Chứng minh được tế bào là đơn vị cấu trúc và đơn vị chức năng của cơ thể.  2. Kĩ năng:  -Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, tổng hợp.  -Kĩ năng tự nghiên cứu và hoạt động nhóm  3. Thái độ  -Yêu thích bộ môn.  **Bài 4:Mô**  a. Kiến thức: HS trình bày được khái niệm về mô. Phân biệt được các loại mô và chức năng của chúng  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, so sánh để thu thập kiến thức, hạt động nhóm  c. Thái độ: Gd ý thức bảo vệ, giữ gìn sức khỏe. | Chuẩn bị tranh vẽ cấu tạo tế bào động vật.  + Tranh phóng to hình 4.1  4.4 SGK  + Tham khảo tài liệu liên quan đến bài. | III. Thành phần hóa học của tế bào: Không dạy chi tiết, chỉ nần liệt kê tên các thành phần.  - Câu hỏi 4:Không yêu cầu HS trả lời |  |  |
| 6 | **Bài 5: Thực hành: Quan sát tế bào và mô**  a. Kiến thức:  Chuẩn bị được tiêu bản tạm thời TB mô cơ vân  QS và vẽ TB trong các tiêu bản làm sẵn : mô sụn, cơ vân, mô cơ trơn  Phân biệt được các bộ phận của tế bào : MSC, CTB, nhân và phân biệt điểm khác của các loại mô.  b. Kỹ năng: Kỹ năng hợp tác nhóm để chuẩn bị mẫu, Biết cách làm và QS tiêu bản trên KHV; Rèn luyện kĩ năng QS, vẽ hình khi QS.  c. Thái độ: Gd ý thức nghiêm túc, bảo vệ máy, vệ phòng học sau khi TH  **Bài 6:Phản xạ**  a.Kiến thức: HS nêu được C/tạo 1 nơ ron điển hình, chức năng cơ bản của nơ ron.  Nêu được 5 thành phần của cung phản xạ và đường dẫn truyền xung T/kinh trong 1 cung p/xạ. Hiểu và trình bày được K/niệm P/xạ, cung P/xạ, vòng P/xạ.  b. Kỹ năng: QS, phân tích thông tin, hoạt động nhóm.  c. Thái độ: Có ý thức bảo vệ cơ thể | + kính hiểm vi : 4 cái (độ phóng đại 100 - 200 lần )  + Lam kính, la men, kim nhọn, mũi mác, giấy thấm.  + Tiêu bản : các loại mô và Ếch : 4 con  + Dung dịch NaCl 0.65%, axít axêtic 1%  + H.6.1:Nơron và hướng lan truyền xung T/kinh. Sơ đồ 6.3  + Tranh 6. 2 ( Câm ) : Cung phản xạ . |  |  |  |
| 7 | **Bài7: Bộ xương**  a.Kiến thức: Nêu được các phần chính của bộ xương và XĐ vị trí các xương chính ngay trên cơ thể.  Phân biệt các loại xương dài, X.ngắn, X.dẹt về hình thái và cấu tạo.Phân biệt các loại khớp xương, Nắm vững cấu tạo khớp động.  b. Kỹ năng: Rèn kỹ năng QS tranh, mô hình, nhận biết kiến thức.  Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát và hoạt động nhóm.  c. Thái độ: HS biết giữ gìn và bảo vệ bộ xương của bản thân.  **Bài 8: Cấu tạo và tính**  **chất của xương**  a. Kiến thức:  Nêu được cấu.tạo chung của 1 X.dài, từ đó giải thích sự lớn lên của xương và khả năng chịu lực của xương.  Xác định được thành phần hóa học của xương để chứng minh được tính chất đàn hồi và cứng rắn của xương.  b. Kỹ năng:  QS tranh, thí nghiệm tìm ra kiến thức; hoạt động nhóm; làm thí nghiệm đơn giản. Kỹ năng giải thích vấn đề thực tế: Vì sao trẻ sơ sinh tắm nắng?Vì sao người ta nắn chân cho trẻ sơ sinh?  c. Thái độ: HS biết bảo vệ xương, liên hệ với thức ăn của lứa tuổi HS | + Tranh H.7.1 , 7.2 ,7.3 ,7.4 /sgk,  + Mô hình bộ xương người, xương đầu  Tranh 8.1 ,8.2 ,8.3 ,8.4 / 29 – 30 / sgk  + Bảng phụ về C.tạo và chức năng của xương dài trang 31 /sgk | Phần II. Phân biệt các loại xương: Không dạy |  |  |
| 8 | **Bài 9: Cấu tạo và tính chất của cơ**  a. Kiến thức: - HS nêu được đặc điểm C/tạo của TB cơ và của bắp cơ. Giải thích được T/chất cơ bản của cơ là sự co cơ và nêu được ý nghĩa của sự co cơ  b. Kỹ năng: Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, hoạt động nhóm.  c. Thái độ: Có ý thức luyện tập, bảo vệ hệ cơ của bản thân.  **Bài 10: Hoạt động của cơ**  a.Kiến thức:- Chứng minh cơ co sinh ra công. Công của cơ được sử dụng vào lao động và di chuyển. Trình bày nguyên nhân của sự mỏi cơ và nêu được các biện pháp chống mỏi cơ. Hiểu được lợi ích của sự luyện tập cơ.  b. Kỹ năng: QS, phân tích tổng hợp, thu thập thông tin, khái quát hóa. Kỹ năng đặt mục tiêu:rèn luyện TDTT, trình bày sáng tạo.  c. Thái độ: Có ý giữ gìn, bảo vệ, thường xuyên rèn luyện cơ | Tranh H 9.1 à 9.4 ; Búa y tế; Ếch, dung dịch sinh lý 0,65% NaCl, cần ghi, bút ghi, trụ ghi giá treo, nguồn điện 6V  máy ghi công cơ  Bảng kết quả thí nghiệm |  |  | Kiểm tra 15 p |
| 9 | **Bài 11: Tiến hóa của hệ vận động- vệ sinh hệ vận động**  a. Kiến thức:  Chứng minh được sự tiến hóa của người so với ĐV thể hiện ở cơ và xương.Phân tích và so sánh sự khác nhau giữa hệ xương giữa người và thú để thấy được sự tiến hóa của bộ xương người thích nghi với quá trình lao động và đứng thẳng.  b. Kỹ năng: Rèn kỹ năng QS , so sánh phân biệt và khái quát để thu nhận kiến thức.  c. Thái độ: Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ cơ xương của bản thân.  **Bài 12: Thực hành: Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương**  aKiến thức: học sinh biết cách sơ cứu khi gãy xương  b. Kỹ năng: Rèn kỹ năng QS , so sánh phân biệt và khái quát để thu nhận kiến thức.  c. Thái độ: Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ cơ xương của bản thân. | + Hình 11.1  11.5 SGK .  + Mô hình bộ xương người và bộ xương thú  Chuẩn bị theo nhóm như sgk |  |  |  |
| 10 | **Bài 13: Máu và môi trường trong cơ thể**  a.Kiến thức: Phân biệt được các thành phần C/tạo của máu và nêu được C/năng của huyết tương và hồng cầu. Phân biệt được máu, nước mô, bạch huyết. Nêu được vai trò của môi trường trong cơ thể.  b. Kỹ năng: QS hình, QS thí nghiệm→phát hiện kiến thức; Khái quát tổng hợp kiến thức; Hoạt động nhóm  3.Thái độ: Có ý thức cung cấp nước đầy đủ cho cơ thể khi tiêu chảy, LĐ nặng ra mồ hôi nhiều.  **Bài 14: Bạch cầu và miễn dịch**  a.Kiến thức: Nêu được 3 hàng rào phòng thủ bảo vệ cơ thể khỏi các tác nhân gây nhiễm và nêu được khái niệm miễn dịch.  Phân biệt được miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo.  b. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, khái quát quá kiến thức, vận vụng kiến thức giải thích thực tế  c.Thai độ : có ý thức phòng bệnh ; Bảo vệ cơ thể, rèn luyện cơ thể tăng khả năng miễn dịch. | Tranh 13.1;13.2  Tranh 14.1;14.2;14.3;14.4 |  |  |  |
| 11 | **Bài 15: Đông máu và nguyên tắc truyền máu**  a. Kiến thức: - Nêu được cơ chế đông máu và vai trò của đông máu.  - Trình bày được nguyên tắc truyền máu và cơ sở khoa học của nó.  b. Kỹ năng: Rèn kỹ năng QS sơ đồ, phân tích, hoạt động nhóm.  c. Thái độ: Tránh những hoạt động gây chảy máu cho cơ thể vì sự đông máu chỉ có tác dụng với vết thương nhỏ.  **Bài 16: Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết**  a.Kiến thức: Nêu được thành phần C/tạo của hệ tuần hoàn máu và vai trò của chúng.  Nêu được thành phần C/tạo của hệ bạch huyết và vai trò của chúng. Nhận biết đường đi của máu trong 2 vòng tuần hoàn và chức năng của từng thành phần; Biết được đường đi của bạch huyết và chức năng của hạch bạch huyết.  2.Kỹ năng: Rèn kỹ năng QS, so sánh, phân tích.  3.Thái độ: Có ý thức rèn luyện và bảo vệ tim, mạch. | Hinh 15  Tranh phóng to hình 16.1 – 2 SGK |  |  |  |
| 12 | **Bài 17:Tim và mạch máu**  a. Kiến thức: Xác định được trên tranh, mô hình về Ctạo ngoài và trong của tim. Phân biệt được các loại mạch máu. Trình bày được đặc điểm của các pha trong chu kỳ co dãn của tim.  b. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tư duy, dự đoán.  c. Thái độ: Giáo dục ý thức bảo vệ tim và mạch trong các hoạt động tránh làm tổn thương tim và mạch máu.  **Bài 18: Vận chuyển máu qua hệ mạch vệ sinh hệ tuần hoàn**  a.Kiến thức: Nêu được cơ chế vận chuyển máu qua hệ mạch và các tác nhân gây hại cũng như các biện pháp phòng tránh và rèn luyện hệ tim mạch.  2.Kỹ năng: Rèn kỹ năng quan sát, tư duy, dự đoán  3.Thái độ: Có ý thức phòng tránh các tác nhân gây hại và rèn luyện hệ mạch. | Tranh phóng to hình 17.1 – 17.3. Mô hình cấu tạo tim. Bảng phụ ghi nội dung bảng 17.1 SGK  Hình 18.1,2; Bảng khả năng làm việc của tim |  |  |  |
| 13 | **Kiểm tra 1 tiết**  Thông qua bài giáo viên đánh giá được kết quả học tập của học sinh về kiến thức, kĩ năng và khả năng vận dụng của học sinh. Qua đó giáo viên rút kinh nghiệm và cải tiến phương pháp dạy học để học sinh nắm được kiến thức tốt hơn**.**  **Bài 19: Thực hành : Sơ cứu cầm máu**  a. Kiến thức: Phân biệt vết thương làm tổn thương động mạch, tĩnh mạch , mao mạch  2. Kỹ năng : Kỹ năng QS ; Băng bó vết thương ; Biết cách ga rô và nắm được những qui định khi đặt ga rô. Kỹ năng viết báo cáo thu hoạch.  3. Thái độ : Có ý thức cẩn thận trong TH | -ra ma trận đề  -làm đề  Nhóm chuẩn bị Băng, gạc, bông, dây cao su mỏng, vải mềm sạch. |  |  |  |
| 14 | **Bài 20: Hô hấp và các cơ quan hô hấp**  a. Kiến thức:  Nêu được khái niệm của hô hấp và vai trò của hô hấp với cơ thể sống.  Xác định được trên hình các Cq hô hấp của người và nêu được chức năng của chúng.  b. Kỹ năng: Rèn kỹ năng QS - phân tích, Hoạt động nhóm  c. Thái độ: Gd ý thức bảo vệ cơ quan hô hấp.  **Bài 21: Hoạt động hô hấp**  a. Kiến thức: Trình bày được các Đ2 chủ yếu trong cơ chế thông khí ở phổi và cơ chế TĐK ở phổi và TB.  b. Kỹ năng: Rèn kỹ năng QS tranh. Hoạt động nhóm  Vận dụng kiến thức liên quan giải thích hiện tượng thực tế.  c. Thái độ: Gd ý thức rèn luyện Cq hô hấp để có sức khỏe tốt. | Tranh 20.1; tranh 20.2 và 20.3  Tranh phóng to hình 21.1 – 21.4 SGK . Mô hình lồng ngực | - Bảng 20, lệnh ▼ trang 66 : Không dạy  - Câu hỏi 2: Không yêu cầu HS trả lời |  |  |
| 15 | **Bài 22: Vệ sinh hô hấp**  a. Kiến thức:  Nêu được tác hại của các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí đối với hoạt động hô hấp và Trình bày được cơ sở khoa học của việc tập luyện hô hấp đúng cách. Đề ra các biện pháp luyện tập hệ hô hấp có hiệu qủa và tích cực ngăn chặn các hành động gây ô nhiễm môi trường không khí  b. Kỹ năng: Vận dụng kiến thức vào thực tế. Hoạt động nhóm  Hình thành kỹ năng b/vệ hệ hô hấp khỏi các tác nhân có hại và luyện tập hô hấp thường xuyên  c. Thái độ: Có ý thức vệ sinh môi trường, ngăn chặn các hành động gây ô nhiễm môi trường không khí  **Bài 23: Thực hành hô hấp nhân tạo**  a.Kiến thức: - Nêu được cơ sở khoa học của hô hấp nhân tạo và XĐ được trình tự các bước hô hấp nhân tạo; Biết cách hà hơi thổi ngạt và ấn lồng ngực  b.Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng hoạt động nhóm; Ứng phó với tình huống làm gián đoạn hô hấp, thu thập, xử lí thông tin về hô hấp nhân tạo.  c. Thái độ: có ý thức cứu người bị ngạt | Bảng phụ ghi nội dung bảng 22 SGK  + Sưu tầm hình ảnh về ô nhiễm môi trường  Tranh phóng to hình 23.1 – 23.2 SGK  + Chiếu, gối bông |  |  |  |
| 16 | **Bài 24: Tiêu hoá và các cơ quan tiêu hoá**  a. Kiến thức:  XĐ được các chất có trong thức ăn; trình bày được các hoạt động chủ yếu của quá trình tiêu hóa thức ăn và vai trò của tiêu hóa đ/với cơ thể người. XĐ được các Cq của hệ tiêu hóa  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: Có ý thức giữ gìn, bảo vệ các cơ quan  **Bài 25: Tiêu hoá ở khoang miệng**  a.Kiến thức:Trình bày được sự biến đổi thức ăn trong khoang miệng; mô tả được sự nuốt và đẩy thức ăn từ khoang miệng qua thực quản xuống dạ dày b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: Có ý thức giữ gìn, bảo vệ các cơ quan | Tranh phóng to H.24.1, 24.2 và H.25.1 – 25.3 SGK  + Mô hình các cơ quan của hệ hô hấp. Bảng phụ  H.25.1 – 25.3 SGK |  |  |  |
| 17 | **Bài 26 : Thực hành: Tìm hiểu hoạt động của ezim trong nước bọt**  **Bài 26 : Thực hành: Tìm hiểu hoạt động của ezim trong nước bọt (tt)**  a. Kiến thức: Học sinh biết các thí nghiệm để tìm hiểu điều kiện cho enzim hoạt động  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng QS tranh vẽ tìm hiểu cách tiến hành TN, QS TN, so sánh các thí nghiệm để rút ra các kiến thức. Rèn luyện kĩ năng hợp tác, giao tiếp, lắng nghe, tính cẩn thận, ngăn nắp.  c. Thái độ: Gd ý thức học tập nghiêm túc. | + Dụng cụ : 12 ống nghiệm nhỏ, 2 giá để ống nghiệm, 2 đèn cồn và giá đun, 2 ống đong chia độ, 1 cuộn giấy đo pH, 2 phễu nhỏ và bông lọc, 1 bình thuỷ tinh, đũa thuỷ tinh, nhiệt kế, cặp ống nghiệm, máy so đun nước  + Vât liệu : Nước bọt hoà loãng lọc qua bông lọc, Hồ tinh bột (1%), Dung dịch HCl (2%), Dung dịch Iốt (1%), Thuốc thử strôme ( 3ml dd NaOH 10% + 3ml dd CuSO¬4 2% ) |  |  |  |
| 18 | **Bài 27: Tiêu hoá dạ dày**  a. Kiến thức: - Nêu được cấu tạo và chức năng cảu dạ dày  - Giải thích sự tiêu hoá ở dạ dày  - Mô tả được thí nghiệm bữa ăn giả ở chó của Paplốp  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, tư duy dự đoán, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ .  Kỹ năng hợp tác, không sử dụng nhiều chất không có lợi cho T/hóa: thuốc lá, rượu, cà phê, aspirin liều cao, không ăn mặn làm thủng dạ dày, ăn uống điều độ tránh căng thẳng thần kinh.  c. Thái độ: Giáo dục ‎thức giữ gìn, bảo vệ dạ dày.  **Bài28:Tiêu hoá ở ruột non**  a. Kiến thức: Học sinh nêu được cấu tạo của ruột non và sự tiêu hoá thức ăn ở ruột non  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích thu thập kiến thức, không lạm dụng rượu, bia làm ảnh hưởng tới gan (tiết mật)  c. Thái độ: Có ý thức giữ gìn, bảo vệ các cơ quan tiêu hoá | + Tranh phóng to hình 27.1 – 27.3 SGK  + Bảng phụ , phiếu học tập  +Tranh phóng to hình 28.1, 28.3 SGK  + Bảng phụ |  |  |  |
| 19 | **Bài 29: Hấp thu dinh dưỡng và thải phân**  a. Kiến thức: Thấy được sự thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của ruột non  Nêu được các con đường vận chuyển chất dinh dưỡng từ R.non đến các Cq và nêu được vai trò của ruột già, gan trong quá trình hấp thụ các chất dinh dưỡng  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  **Bài 30: Vệ sinh tiêu hóa**  a. Kiến thức: Học sinh nêu được các tác nhân gây hại cho hệ tiêu hoá  Trình bày được các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hoá  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng sử dụng phiếu học tập và làm việc với SGK  c. Thái độ: có ý thức thực hiện nghiêm túc các biện pháp để có một hệ tiêu hóa khỏe mạnh | Tranh phóng to hình 29.1 – 29.3 SGK  + Bảng phụ, phiếu học tập  Bảng phụ, phiếu học tập ghi nội dung bảng 30.1 SGK  + Tham khảo thông tin sách có liên quan đế bài | Hình 29 – 2 và nội dung liên quan : Không dạy  Hình 29 – 2 và nội dung liên quan: Không dạy |  |  |
| 20 | **Bài 31: Trao đổi chất**  a. Kiến thức: HS phân biệt được TĐC giữa cơ thể với môi trường ngoài và TĐC giữa TB và môi trường trong. Trình bày được MQH TĐC ở cấp độ TB với TĐC ở cấp độ cơ thể  HS thấy được tính thống nhất giữa cơ thể với môi trường  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  **Bài 32: Chuyển hoá**  a. Kiến thức: Xác định được chuyển hoá vật chất và năng lượng bao gồm 2 quá trình đồng hoá và dị hoá  Phân biệt được chuyển hoá vật chất và năng lượng với trao đổi chất và giải thích được thế nào là chuyển hoá cơ bản đồng thời trình bày được sự điều hoà trong chuyển hoá vật chất và năng lượng  b.. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích hình, hoạt động nhóm | + Tranh phóng to hình 31.1 – 31.2 SGK  + Bảng phụ  Tranh phóng to hình 32.1 SGK ; Phiếu học tập ghi nội dung so sánh đồng hoá và dị hoá |  |  |  |
| 21 | **Bài 33: Thân nhiệt**  a. Kiến thức: Nêu được khái niệm thân nhiệt và các cơ chế điều hòa thân nhiệt  Nêu được các cơ chế khoa học của các biện pháp phòng chống nóng, lạnh … Và Biết vận dụng các biện pháp chống nóng, chống lạnh để phòng cảm nóng, cảm lạnh  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức  c. Thái độ: Có ý thứcchống nóng, lạnh ở nơi công cộng cũng như ở nhà  **Ôn tập** | Tranh, ảnh có liên quan đến bài học |  |  | Kiểm tra 15 p |
| 22 | **Ôn tập** |  |  |  |  |
| 23 | **Ôn tập học kỳ I** |  |  |  |  |
| 24 | **THI HỌC KÌ I** |  |  |  |  |
| 25 | **Bài 34: Vi ta min và muối khoáng**  a. Kiến thức: Nêu được vai trò của vitamin và muối khoáng. Vận dụng những hiểu biết về vitamin và muối khoáng trong lập khẩu phần và xây dựng chế độ ăn uống hợp lí  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích thu thập kiến thức.  c. Thái độ: Gd ‎ thức vệ sinh thực phẩm. Biết cách phối hợp, chế biến thức ăn khoa học.  **Bài 36: Tiêu chuẩn ăn uống- Nguyên tắc lập khẩu phần ăn**  a. Kiến thức: Nêu được nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể. Xác định được gía trị dinh dưỡng của thức ăn. Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần  b. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng QS, vận dụng kỹ năng vào đới sống  c. Thái độ: GD ‎y thức tiết kiệm nâng cao chất lượng cuộc sống. | Sưu tầm tranh ảnh về một số bệnh do thiếu vita min như bệnh bứu cổ, còi xương  Tranh, ảnh về các loại thực phẩm |  |  |  |
| 26 | **Bài 37: Thực hành: Phân tích một khẩu ăn**  . Kiến thức: Nêu được các bước tiến hành lập khẩu phần  Biết tính toán hoàn chỉnh một khẩu phần ăn để xác định đáp ứng nhu cầu của cơ thể và biết xây dựng một khẩu phần ăn hợp lí cho bản thân  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng phân tích và tính toán  3. Thái đọ: Có ý thức bảo vệ sức khoẻ, chống suy dinh dưỡng, béo phì.  **Bài 38: Bài tiết và cấu tạo cơ quan bài tiết nước tiểu**  a. Kiến thức: Nêu được khái niệm bài tiết và vai trò của bài tiết đối với cơ thể Và xác định Cq bài tiết chủ yếu là thận. Nêu được cấu tạo của cơ quan bài tiết nước tiểu  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ.  c. Thái độ: GD ý thức giữ gìn vệ sinh Cq bài tiết. | Bảng phụ ghi nội dung bảng 37.1 SGK  +Phiếu học tập ghi nội dung bảng 37.2 và 37.3 SGK  Tranh phóng to hình 38.1 SGK . Bảng phụ, phiếu học tập |  |  |  |
| 27 | **Bài 39: Bài tiết nước tiểu**  a. Kiến thức : Giải thích được quá trình hình thành nước tiểu, thực chất của quá trình hình thành nước tiểu. Phân biệt được nước tiểu đầu và nước tiểu chính thức  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích thu thập kiến thức  c. Thái độ: Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu  **Bài 40 : Vệ sinh hệ bài tiết**  a. Kiến thức: Xác định được nguyên nhân gây bệnh ở các cơ quan bài tiết nước tiểu. Nêu được cơ sở khoa học và các biện pháp, phòng tránh các bệnh ở các cơ quan bài tiết nước tiểu  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: Có ý thức bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu. | Tranh H.39.1 SGK, Bảng phụ, phiếu học tập  Tham khảo các tài liệu có liên quan đến bài. Bảng phụ, phiếu học tập ghi nội dung bảng 40.1 |  |  |  |
| 28 | **Bài 41 : Cấu tạo và chức năng của da**  a. Kiến thức: Nêu được cấu tạo của da và chức năng của da. Giải thích được sự thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của da.  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh, để thu thập kiến thức  Rèn luyện kĩ năng hoạt động nhóm  c. Thái độ: GD HS Biết bảo vệ da, BV cơ thể.  **Bài 42:Vệ sinh da**  a. Kiến thức: Giải thích được cơ sở khoa học của việc bảo vệ và rèn luyện da  Xác định các biện pháp rèn luyện da  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái đô: Có ý thức rèn luyện và bảo vệ da | Tranh phóng to hình 41 SGK  + Bảng phụ, phiếu học tập ghi nội dung bảng 42.2 SGK |  |  |  |
| 29 | **Bài 43: Giới thiệu chung Hệ thần kinh**  .a Kiến thức:  Trình bày được cấu tạo và chức năng của nơ ron, đồng thời xác định rõ nơ ron là đơn vị cấu tạo cơ bản của hệ thầ kinh.  Phân biệt được các thành phần cấu tạo của hệ thần kinh và chức năng của hệ thần kinh vận động và hệ thần kinh sinh dưỡng.  b. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng QS, phân tích kênh hình, hoạt động nhóm.  c. Thái độ: giáo dục hs thái độ nghiêm túc.  **Bài 44 : Thực hành: Tìm hiểu chức năng liên quan đến cấu tạo của tủy sống.**  a.kiến thức: Nêu được chức năng của tủy sống, các thành phần cấu tạo của tủy sống  b. b. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng QS, phân tích kênh hình, hoạt động nhóm.  c. Thái độ: giáo dục hs thái độ nghiêm túc nghiên cứu khoa học | Bảng phụ ghi nội dung bảng 43.1- 43.2 sgk  ếch, dụng cụ mổ  bông,dung dịch HCl o,3% |  |  | Kiểm tra 15 p |
| 30 | **Bài 45 : Dây thần kinh tủy**  a. Kiến thức: Hiểu rõ chức năng của dây thần kinh tủy và xác định được chức năng của rễ tủy  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích hình, kênh chữ để thu nhận kiến thức, trao đổi nhóm  c. Thái độ:  **Bài 46 : Trụ não, tiểu não, não trung gian**  a. Kiến thức: Xác định được vị trí và các thành phần của trụ não, tiểu não, não trung gian  Trình bày được chức năng của trụ não, tiểu não, não trung gian  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: Gd y thức bảo vệ bộ não | Tranh phóng to hình 44.2 và 45.1 – 45.2 SGK  + Bảng phụ ghi nội dung bảng 45 SGK  Tranh phóng to hình 46.1 -46.3 SGK  + Bảng phụ, phiếu học tập ghi nội dung bảng 46 SGK | - Lệnh ▼ So sánh cấu tạo và chức năng của trụ não và tủy sống… : Không dạy  - Bảng 46 trang 145: Không dạy |  |  |
| 31 | **Bài 47 : Đại não**  a. Kiến thức: Nêu được đặc điểm cấu tạo của não người, đặc biệt là vỏ não thể hiện sự tiến hóa hơn ở lớp thú và XĐ được các vùng chức năng của vỏ não.  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng QS, phân tích hình, kênh chữ để thu nhận kiến thức, trao đổi nhóm  c. Thái độ: GD y thức bảo vệ bộ não.  **Bài 48: Hệ thần kinh sinh dưỡng**  a. Kiến thức : Phân biệt được cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh sinh dưỡng và hệ thần kinh vận động ; Phân biệt được cấu tạo vàchức năng của phân hệ giao cảm và phân hệ đối giao cảm.  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: GD y thức vệ sinh, bảo vệ hệ TKinh | Tranh phóng to hình 47.1 – 47.4 SGK ; Bảng phụ ; Mô hình não bộ  Tranh phóng to hình 48.1 - 48.3 SGK | Lệnh ▼ trang 149: Không dạy  - Hình 48 – 2 và nội dung liên quan trong lệnh trang 151: Không dạy  - Bảng 48–2 và nội dung liên quan: Không dạy  - Câu hỏi 2 trang 154: Không yêu cầu HS trả lời |  |  |
| 32 | **Bài 49 : Cơ quan phân tích thị giác**  a. Kiến thức: Nêu được ý nghĩa của cơ quan phân tích thị giacá đối với cơ thể  Xác định rõ các thành phần của một Cq phân tích , từ đó phân biệt được Cq thụ cảm với Cq phân tích.  Mô tả được các thành phần của Cq thụ cảm thị giác. Nêu rõ C/tạo của màng lưới cầu mắt. giải thích cơ chế điều tiết của mắt để nhìn rõ vật  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích hình, kênh chữ để thu nhận kiến thức, trao đổi nhóm  c. Thái độ: GD Ý thức bảo vệ mắt  **Bài 49 : vệ sinh mắt**  a. Kiến thức: Xác định được nguyên nhân của cận thị, viễn thị và cách khắc phục và nêu được nguyên nhân của bệnh đau mắt hột, con đường lây truyền và cách phòng chống.  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng QS, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ, Nhận biết những thói quen xấu, có biện pháp bảo vệ mắt.  c. Thái độ: Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh mắt. | Tranh phóng to hình 49.1 - 49.4 SGK  + Mô hình cầu mắt  Tranh phóng to hình 50.1 - 50.4 SGK  + Bảng phụ, phiếu học tập ghi nội dung bảng 50 SGK tr. 160 | - Hình 49 – 1 và nội dung liên quan ở lệnh ▼ trang 155: Không dạy  - Hình 49.4 và lệnh ▼ trang 157: Không dạy |  |  |
| 33 | **Bài 51 :Cơ quan phân tích thính giác**  a. kiến thức : Xác định các thành phần của Cq phân tích thính giác và mô tả được C/tạo của Cq Coocti trên tranh hoặc mô hình  Trình bày được quá trình thu nhận các cảm giác âm thanh ( âm cao – thấp, âm to – nhỏ )  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích hình, kênh chữ để thu nhận kiến thức, trao đổi nhóm  c. Thái độ: Giáo dục hs ý thức giữ gìn vệ sinh tai  **Bài 52 : Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện**  a. Kiến thức: Phân biệt được PXKĐK và PXCĐK và nêu rõ được ý nghĩa của PXCĐK đối với đời sống  Trình bày được quá trình hình thành các P/xạ mới và kìm hãm những P/xạ cũ, nêu rõ các Đ/kiện cần khi thành lập PXCĐK  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: | + Tranh phóng to hình 51.1 – 512 SGK  + Tham khảo các tài liệu liên quan đến bài  Tranh phóng to hình 52.1 – 5..3 SGK  + Bảng phụ, phiếu học tập ghi nội dung bảng 52.1- 2 SGK | - Hình 51.2 và nội dung liên quan trang 163: Không dạy  - Câu hỏi 1 trang 165: Không yêu cầu HS trả lời |  | Kiểm tra 15 p |
| 34 | **Bài 53 :Hoạt động thần kinh cấp cao ở người**  a. Kiến thức: Xác định được những điểm giống nhau và khác nhau giữa PXCĐK ở người và động vật nói chung, lớp Thú nói riêng  Nêu được vai trò của tiếng nói và chữ viết và tư duy trừu tượng đối với cuộc sống của con người  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích hình, kênh chữ để thu nhận kiến thức, trao đổi nhóm  c. Thái độ: Giáo dục y thức học tập, X/dựng thói quen, nếp sống văn hóa.  **Bài 54: Vệ sinh hệ thần kinh**  a.Kiến thức: Phân tích được ý nghĩa của giấc ngủ, sự lao động và nghỉ ngơi hợp lí đối với sức khỏe con người và nêu được tác hại của ma túy và các chất gây nghiện đối với sức khỏe nói chung và hệ thần kinh nói riêng  b Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích hình, kênh chữ để thu nhận kiến thức, trao đổi nhóm  Rèn luyện thái độ kiên quyết tránh xa ma túy và việc sử dụng các chất kích thích mạnh  c. Thái độ: GD HS có ý thức vệ sinh hệ TK | Chuẩn bị một số quả chua như chanh, me, khế…  + Tranh về tác hại của ma túy  + Bảng phụ, phiếu học tập ghi nội dung bảng 54 SGK |  |  |  |
| 35 | **Kiểm tra 1 tiết**  Thông qua bài giáo viên đánh giá được kết quả học tập của học sinh về kiến thức, kĩ năng và khả năng vận dụng của học sinh. Qua đó giáo viên rút kinh nghiệm và cải tiến phương pháp dạy học để học sinh nắm được kiến thức tốt hơn  **Bài 55 : Giới thiệu chung tuyến nội tiết**  a Kiến thức : Xác định được những điểm giống và khác nhau giữa tuyến nội tiết và tuyến ngoại tiết  Kể và xác định vị trí các tuyến nội tiết chính và nêu được tính chất, vai trò của hoocmon và tầm quan trọng cua tuyến nội tiết  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: | Ra ma trận, đề, thang điểm, đáp án  Tranh phóng to hình 55.1 - 55.3 SGK  + Tham khảo các tài liệu liên quan đến bài |  |  |  |
| 36 | **Bài 56 : Tuyến yên, tuyến giáp**  1. Kiến thức:  •Trình bày được vị trí, cấu tạo, chức năng của tuyến yên và tuyến giáp.  •Xác định rõ mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động của các tuyến với các bệnh do hoocmôn của các tuyến đó tiết ra quá ít hoặc quá nhiều.  2. Kỹ năng:  •Rèn kỹ năng quan sát, phân tích kênh hình.  •Rèn kỹ năng hoạt động nhóm.  3. Thái độ:  •Giáo dục ý thức giữ gìn sức khoẻ, bảo vệ cơ thể.  **Bài 57 : Tuyến tụy và tuyến trên thận**  1. Kiến thức:  •Phân biệt chức năng nội tiết và ngoại tiết của tuyến tụy dựa trên cấu tạo  •Sơ đồ hoá chức năng của tuyến tụy trong sự điều hoà đường huyết.  •Trình bày các chức năng của tuyến trên thận dựa trên cấu tạo của tuyến.  2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng quan sát và phân tích kênh hình.  3. Thái độ: Giáo dục ý thức giữ gìn sức khoẻ, bảo vệ cơ thể. | GV: Tranh phóng to hình 55.3, 56.1, 56.2 và 56.3 SGK.  Tranh phóng to hình 57.1 và 57.2 SGK |  |  |  |
| 37 | **Bài 58: Tuyến sinh dục**  a. Kiến thức: Xác định được chức năng của tinh hoàn và buồng trứng  Nêu được hoocmon sinh dục nam và hoocmon sinh dục nữ và sự ảnh hưởng của hoocmon sinh dục nam và nữ đến những biến đổi ở tuổi dậy thì.  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích hình, kênh chữ để thu nhận kiến thức, Kỹ năng ứng xử trong trao đổi nhóm .  c. Thái độ: GD y thức vệ sinh, bảo vệ cơ thể.  **Bài 59 : Sự điều hòa và phối hợp hoạt động các tuyến nội tiết**  a. Kiến thức: chứng minh được vai trò của thông tin ngược trong điều hòa hoạt động của các tuyến nội tiết  Nêu được sự phối hợp trong hoạt động nội tiết để đảm bảo tính ổn định của môi trường trong  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: GD y thức giữ gìn sức khỏe. | Tranh phóng to hình 58.1 – 53.3 SGK  + Bảng phụ ghi nội dung bảng 58.1 – 2 SGK  Tranh phóng to hình 59.1 - 59.3 SGK |  |  |  |
| 38 | **Bài 60: Cơ quan: sinh dục nam**  **Bài 61 : Cơ quan sinh dục nữ**  a. Kiến thức: Kể tên các bộ phận của cơ quan sinh dục nam  Xác định được đường đi của tinh trùng từ nơi sinh sản; nêu được chức năng của các bộ phận Cq sinh dục, nêu được cấu tạo tinh trùng.  Kể tên các bộ phận của cơ quan sinh dục nữ . Nêu được chức năng của các bộ cơ quan sinh dục nữ; nêu đặc điểm cấu tạo của trứng  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích hình, kênh chữ để thu nhận kiến thức, trao đổi nhóm.  Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: Gd thái độ nhận thức đúng đắng về Cq sinh sản của cơ thể. | Tranh phóng to hình 60.1 – 60.2 SGK  + Tranh phóng to hình 61.1 – 61.2 SGK  + Tham tài liệu liên quan đến bài |  |  |  |
| 39 | **ÔN TẬP** |  |  |  |  |
| 40 | **ÔN TẬP** |  |  |  |  |
| 41 | **THI HỌC KÌ II** |  |  |  |  |
| 42 | **Bài 62 :Thụ tinh, thụ thai và phát triển của thai**  a. Kiến thức: Trình bày được điều kiện thụ tinh và thụ thai và môi trường nuôi thai trong quá trình mang thai và điều kiện đảm bảo cho thai phát triển tốt.  Giải thích hiện tượng kinh nguyệt  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích hình, kênh chữ để thu nhận kiến thức, trao đổi nhóm  c. Thái độ: Gd y thức giữ gìn vệ sinh kinh nguyệt.  **Bà**i **63 : Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai**  a. Kiến thức: Nêu được ý nghĩa của cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch trong KHHGD và thấy được nguy cơ có thai ở tuổi vị thành niên  Giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai, từ đó xác định được các nguyên tắc tránh thai.  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: Gd y thức bảo vệ mình, tránh mang thai ở tuổi vị thành niên. | Tranh phóng to hình 62.1 – 62.3 SGK  + Tham khảo tài liệu liên quan đến bài  Một số dụng cụ tránh thai : bao cao su, thuốc vỉ tranh thai, dụng cụ tử cung...  + Bảng phụ, phiếu học tập ghi nội dung bảng 63 SGK |  |  |  |
| 43 | **Bài 64 :Các bệnh lây qua đường sinh dục**  a. Kiến thức: Nêu được tác hại của một số bệnh tình dục phổ biến như : bệnh lậu, giang mai, HIV/AIDS và những đặc điểm chủ yếu của các tác nhân gây bệnh : vi rut gây bệnh AIDS, vi khuẩn lậu, giang mai ….  Nêu được triệu chứng các bệnh trên để có thể phát hiện sớm và điều trị kịp thời  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích hình, kênh chữ để thu nhận kiến thức, trao đổi nhóm  c. Thái độ: Giáo ý thức phòng tránh các bệnh trên, quan hệ tình dục an toàn.  **Bài 65 : Đại dịch AIDS- Thảm họa của loài người**  a. Kiến thức: Trình bày được tác hại của bệnh AIDS  Nêu được đặc điểm và phương thức sống của virút gây bệnh AIDS  XĐ được con đường lây truyền và cách phòng ngừa bệnh AIDS  b. Kỹ năng: Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để thu nhận kiến thức từ các hình vẽ  c. Thái độ: Giáo dục ý thức xây dựng lối sống lành mạnh, quan hệ tình dục an toàn | + Tranh phóng to hình 64SGK  + Tham khảo các tài liệu có liên quan đến bài.  Tranh phóng to hình 65 SGK  + Tham khảo các tài liệu liên quan đến bài, bảng phụ ghi nội dung bảng 65 SGK |  |  |  |
| 44 | HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRINH |  |  |  |  |

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**NỘI DUNG: Dạy học, giảm tải, kiểm tra, đánh giá**

**NĂM HỌC 2017 – 2018**

**MÔN : SINH HỌC 9**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **BÀI DẠY**  ***(Nội dung kiến thức, kỹ năng)*** | **Đồ dung dạy học** | **Nội dung giảm tải** | **Thời lượng dạy học** | **Nội dung kiểm tra** |
| **1** | **Bài 1: Menđen và Di truyền học**  1. Kiến thức:  -Nêu được môc đích, ý nghĩa, nhiệm vụ của DTH.  -Trình bày được phương pháp phân tích cơ thể lai của Men Đen.  -Hiểu được một số thuật ngữ, kí hiệu trong DTH.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp kiến thức.  -Rèn kỹ năng liên hệ thực tế.  3. Thái độ:  -Có ý thức vươn lên trong học tập, có niềm tin vào khoa học, vào bản thân.  **Bài 2: Lai một cặp tính trạng**  . Kiến thức:  -Trình bày và phân tích được thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Men đen.  -Nêu được các khái niệm kiểu hình, kiểu gen, thể đồng hợp, thể dị hợp.  -Phát biểu được nội dung qui luật phân li và giải thích được qui luật theo quan điểm của Men đen.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích số liệu và kênh hình.  -Rèn kỹ năng liên hệ thực tế.  3. Thái độ:  -Quan điểm duy vật biện chứng, tình yêu và lòng tin vào khoa  **\*Luyện tập**  Nêu được các khái niệm kiểu hình, kiểu gen, thể đồng hợp, thể dị hợp.  - Phát biểu được nội dung qui luật phân li và giải thích được qui luật theo quan điểm của Men đen. | Tranh phóng to 1.2  Tranh phóng to 2.1;2.2;2.3 | - Chương I. Câu hỏi 4 ( Không yêu cầu hs trả lời)  - Câu hỏi 4 (Không yêu cầu hs trả lời |  |  |
| **2** | **Bài 3: Lai một cặp tính trạng (tiếp theo)**  1. Kiến thức:  -Hiểu, Trình bày được môc đích, nội dung và ứng dụng của phép lai phân tích.  -Giải thích được các điều kiện nghiệm đúng của ĐLPL, biết được ý nghĩa của định luật trong sản xuất.  -Phân biệt được sự di truyền tội hoàn toàn và trội không hoàn toàn.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ phân tích, so sánh.  -Rèn kỹ năng liên hệ thực tế.  3. Thái độ:  -Có tình yêu và lòng tin vào khoa học, ý thức đúng trong lao động sản xuất.  **Bài 4: Lai hai cặp tính trạng**  1. Kiến thức  - Học sinh mô tả được thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Menđen.  - Biết phân tích kết quả thí nghiệm lai 2 cặp tính trạng của Menđen.  - Hiểu và phát biểu được nội dung quy luật phân li độc lập của Menđen.  - Giải thích được khái niệm biến dị tổ hợp.  2.Kỹ năng  - Rèn kĩ năng phân tích kết quả thí nghiệm.  3, Thái độ  - Biết ứng dụng vào trong thực tiễn  **\*Luyện tập** | hình 3 SGK trang 12  Tranh phóng to hình 4 SGK.  - Bảng phụ ghi nội dung bảng 4. | - Phần V. Trội không hoàn toàn (Không dạy (vì vượt quá yêu cầu)  - Câu hỏi 3 (Không yêu cầu hs trả lời) |  |  |
| **3** | **Bài 5: Lai hai cặp tính trạng (tiếp theo)**  1. Kiến thức:  -Giải thích được kết quả thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Men đen.  -Phát biểu được nội dung quy luật PLĐL, phân tích được ý nghĩa của quy luật đối với chọn giống và tiến hoá.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ quan sát, phân tích kênh hình.  3. Thái độ:  -Có tình yêu và lòng tin vào khoa học, bản thân.  **Bài 6: Thực hành – Tính xác suất xuất hiện các mặt của đồng kim loại**  .1Kiến thức:  -Biết cách xác định xác suất của 1 và 2 sự kiện đồng thời xảy ra thông qua việc gieo đồng kim loại  -Biết vận dụng xác suất để hiểu được tỷ lệ các loại giao tử và tỷ lệ KG ở F2 trong phép lai một cặp tính trạng của Men đen.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ quan sát, phân tích.  -Rèn kỹ năng thực hành.  3. Thái độ:  -Có tình yêu và lòng tin vào khoa học, bản thân.  -Có ý thức nghiêm túc, cẩn thận, chính xác.  **\*Luyện tập** | hình 5 SGK |  |  |  |
| **4** | **Bài 7: Bài tập chương I**  1. Kiến thức:  -Vận dụng được lý thuyết vào giải bài tập  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ phân tích dạng bài, giải bài tập trắc nghiệm.  3. Thái độ:  -Có tình yêu và lòng tin vào khoa học, bản thân. Trung thực, khách quan.  **Bài 8: Nhiễm sắc thể**  1. Kiến thức:  -Nêu được tính đặc trưng của bộ nhiễm sắc thể ở mỗi loài.  -Mô tả được cấu trúc điển hình và chức năng của NST đối với sự di truyền các tính trạng.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp.  3. Thái độ:  -Có tình yêu và lòng tin vào khoa học, bản thân  **Luyện tập**  Bài tập chương I | Bài tập sgk  ; bài tập tham khảo thêm  bảng 8, ảnh bộ NST người, cấu trúc hiển vi của NST.  bài tập tham khảo thêm | Bài tập 3 (Không yêu cầu hs làm |  | **Kiểm tra 15 p** |
| **5** | **Bài 9: Nguyên phân**  1. Kiến thức:  -Trình bày được sự biến đổi hình thái của NST trong chu kỳ phân bào. Các diễn biến của NST qua các kỳ của quá Trình NP.  -Phân tích được ý nghĩa của NP đối với sự sinh sản và sinh trưởng của cơ thể.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp.  3. Thái độ:  -Có tình yêu và lòng tin vào khoa học, bản thân.  **Bài 10: Giảm phân**  1. Kiến thức  - Học sinh trình bày được những diễn biến cơ bản của NST qua các kì giảm phân I và giảm phân II.  - Nêu được những điểm khác nhau của từng kì ở giảm phân I và II.  - Phân tích được những sự kiện quan trọng có liên quan tới các cặp NST tương đồng.  2.Kỹ năng  - Rèn kĩ năng quan sát và phân tích kênh hình đồng thời phát triển tư duy, lí luận (phân tích, so sánh).  3. Thái độ  -Yêu thích bộ môn  **Luyện tập**  Ôn đặc điểm 4 kì nguyên phân và giảm phân 1 | H.9.2 - 3, bảng 9.2.  Tranh phóng to: Quá trình giảm phân.  - Bảng phụ ghi nội dung bảng 10. | **-** Chương II. Câu hỏi 1 ( Không yêu cầu hs trả lời**)**  **-** Chương II. Câu hỏi 2 ( Không yêu cầu hs trả lời**)** |  |  |
| **6** | **Bài 11: Phát sinh giao tử và thụ tinh**  1. Kiến thức:  -Nêu được quá Trình phát sinh giao tử ở động vật và thực vật có hoa  -Phân biệt được quá Trình phát sinh giao tử đực và cái.  -Hiểu và giải thích được bản chất của quá Trình thụ tinh.  2. Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp.  3. Thái độ:  -Có tình yêu và lòng tin vào khoa học, bản thân.  -Có quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng.  **Bài 12: Cơ chế xác định giới tính**  1. Kiến thức:  -Nêu được đặc điểm của NST giới tính.  -Trình bày được cơ chế NST xác định giới tính.  -Biết được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hoá giới tính.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp.  3. Thái độ:  -Có tình yêu và lòng tin vào khoa học, bản thân.  -Có quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng.  -Phê phán tư tưởng trọng nam khinh nữ của chế độ phong kiến  **Luyện tậP**  Nêu được đặc điểm của NST giới tính.  -Trình bày được cơ chế NST xác định giới tính. | H.11 SGK  H.12.1 - 2 SGK |  |  |  |
| **7** | **Bài 13: Di truyền liên kết**  1,Kiến thức  - Học sinh hiểu được những ưu thế của ruồi giấm đối với nghiên cứu di truyền.  - Mô tả và giải thích được thí nghiệm của Moocgan.  - Nêu được ý nghĩa của di truyền liên kết, đặc biệt trong lĩnh vực chọn giống.  2.Kỹ năng  - Phát triển tư duy thực nghiệm – quy nạp.  3 Thái độ  - Giáo dục cho học sinh hiểu được vai trò của ruồi giấm.  **Bài 14: TH- Quan sát hình thái nhiễm sắc thể**  1. Kiến thức  - Học sinh nhận biết dạng NST ở các kì.  2, Kỹ năng  - Phát triển kĩ năng sử dụng và quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi.  - Rèn kĩ năng vẽ hình.  3, Thái độ  - Thêm yêu thích bộ môn.  **Luyện tập**  Bài tập viết giao tử | Hình 13  Bộ tiêu bản NsT | - Chương II. Câu 2, câu 4 (Không yêu cầu hs trả lời) |  |  |
| **8** | **Bài 15: AND**  1. Kiến thức  - Học sinh phân tích được thành phần hoá học của ADN đặc biệt là tính đặc thù và hình dạng của nó.  - Mô tả được cấu trúc không gian của ADN theo mô hình của J. Oatsơn , F. Crick.  2. Kỹ năng  - Phát triển kĩ năng quan sát và phân tích kênh hình.  3. Thái độ  -Học sinh biết thêm về AND và số lượng gen trong cơ thể  **Bài 16: ADN và bản chất của gen**  1. Kiến thức:  -được nguyên tắc tự nhân đôi của ADN.  -Nêu Xác định được bản chất hoá học của ADN.  -Giải thích được chức năng của ADN.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp.  3. Thái độ:  -Có tình yêu và lòng tin vào khoa học, bản thân.  **Luyện tập**  Bài tập cơ bản về and. Tính chiều dài, khối lương, số nu | Tranh phóng to hình 15 SGK.  - Mô hình phân tử ADN.  H.16 SGK**.** | Chương III. Câu 5,6 (Không yêu cầu hs trả lời**)** |  |  |
| **9** | **Bài 17: Mối quan hệ giữa gen và ARN**  1. Kién thức  - Học sinh mô tả được cấu tạo sơ bộ và chức năng của ARN.  - Kể được các loại ARN.  - Trình bày được sơ bộ quá trình tổng hợp ARN đặc biệt là nêu được nguyên tắc của quá trình này.  2. Kỹ năng  - Phát triển kĩ năng quan sát, phân tích kênh hình và tư duy phân tích, so sánh.  3. Thái độ  - Học sinh biết thêm về mối quan hệ của gen và ARN  **Bài 18:Prôtêin**  1. Kiến thức  - Học sinh nêu được thành phần hoá học của prôtêin, phân tích được tính đặc trưng và đa dạng của nó.  - Mô tả được các bậc cấu trúc của prôtêin và hiểu được vai trò của nó.  - Nắm được các chức năng của prôtêin.  2.Kỹ năng  - Phát triển tư duy lí thuyết (phân tích, hệ thống hoá kiến thức).  3. Thái độ  -Thấy được tầm quan trọng của prôtêin trong cơ thể.  **Luyện tập**  Viết trình tự nu,chuổi aa dựa trên mối quan hệ giữa AND🡺ARN🡺PROTEIN | Tranh phóng to hình 17.1; 17.2 SGK.  - Mô hình phân tử ARN và mô hình tổng hợp ARN.  Tranh phóng to hình 18 SGK | Chương III. lệnh cuối trang- Không yêu cầu hs trả lời lệnh |  | **Kiểm tra 15 p** |
| **10** | **Bài 19: Mối quan hệ giữa gen và tính trạng**  1, Kiến thức  - Học sinh nắm mối quan hệ giữa ARN và prôtêin thông qua việc trình bày sự hình thành chuỗi aa.  - Giải thích mối quan hệ trong sơ đồ: gen (1 đoạn phân tử ADN)  ARN  prôtêin  tính trạng.  2, Kỹ năng  - Kĩ năng tự tin khi trình bày trước tổ nhóm, lớp.  - Kĩ năng lắng nghe tích cực trình bày suy nghĩ, ý tưởng, hợp tác trong hoạt động nhóm.  - Kĩ năng tìm kiếm và xữ lí thông tin để tìm hiểu về mối quan hệ giữa ARN và Protein, về mối quan hệ giữa gen và tính trạng.  - Tiếp tục phát triển kĩ năng quan sát và phân tích kênh hình.  3, Thái độ  - Học sinh hiểu hơn về gen từ đó có thái độ yêu thích bộ môn  **Bài 20: TH- Quan sát và lắp mô hình AND**  **1** Kiến thức  - Củng cố cho HS kiến thức về cấu trúc phân tử ADN.  2, Kỹ năng  - Kĩ năng hợp tác, ứng xữ giao tiếp trong nhóm.  - Rèn kĩ năng quan sát và phân tích mô hình AND, thao tác lắp ráp mô hình ADN  - Kĩ năng quản lí thời gian và trách nhiệm được phân công.  3, Thái độ  - Nghiêm túc khi thực hành  **Luyện tập**  Viết trình tự nu,chuổi aa dựa trên mối quan hệ giữa AND🡺ARN🡺PROTEIN | Tranh phóng to hình 19.1; 19.2; 19.3 SGK.  - Mô hình động về sự hình thành chuỗi aa.  - Mô hình phân tử ADN.  - Hộp đựng mô hình cấu trúc phân tử ADN tháo dời.  - Đĩa CD, băng hình về cấu trúc phân tử ADN, cơ chế tự sao, cơ chế tổng hợp ARN, cơ chế tổng hợp prôtêin, máy tính (nếu có). | **-** Chương III.  Lệnh ( Không yêu cầu hs trả lời lệnh) |  |  |
| **11** | **Kiểm tra 1 tiết**  **Bài 21: Đột biến gen**  1, Kiến thức  - Học sinh trình bày được khái niệm và nguyên nhân đột biến gen.  - Trình bày được tính chất biểu hiện và vai trò của đột biến gen đối với sinh vật và con người.  2, Kỹ năng  - Kĩ năng hợp tác ứng xữ, giao tiếp lắng nghe tích cực  - Kĩ năng thu thập và xữ lí thông tin khi đọc SGK, quan sát ảnh, phim, internet…để tìm hiểu khái niệm và vai trò của ĐBG  - Kĩ năng tự tin bày tỏ ý kiến  3, Thái độ  - Học sinh nhận thức đúng đắn về đột biến gen  **Luyện tập**  Học sinh trình bày được khái niệm và nguyên nhân đột biến gen.  - Trình bày được tính chất biểu hiện và vai trò của đột biến gen đối với sinh vật và con người. |  |  |  |  |
| **12** | **Bài 22: Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể;**  1, Kiến thức  - Học sinh trình bày được một số dạng đột biến cấu trúc NST.  - Giải thích và nắm được nguyên nhân và nêu được vai trò của đột biến cấu trúc NST.  2, Kỹ năng  - Kĩ năng hợp tác ứng xữ, giao tiếp lắng nghe tích cực  - Kĩ năng thu thập và xữ lí thông tin khi đọc SGK, quan sát ảnh, phim, internet…để tìm hiểu khái niệm nguyên nhân phát sinh và tính chất của đột biến và tính chất của ĐB NST  - Kĩ năngtự tin bày tỏ ý kiến.  **Bài 23: Đột biến số lượng nhiễm sắc thể**  1, Kiến thức  - Học sinh nắm được các biến đổi số lượng thường thấy ở một cặp NST, cơ chế hình thành thể (2n + 1) và thể (2n - 1).  - Nêu được hậu quả của biến đổi số lượng ở từng cặp NST.  2, Kỹ năng  - Kĩ năng hợp tác ứng xữ, giao tiếp lắng nghe tích cực  - Kĩ năng thu thập và xữ lí thông tin khi đọc SGK, quan sát ảnh, phim, internet…để tìm hiểu khái niệm nguyên nhân phát sinh và tính chất của ĐB số lượng NST  - Kĩ năngtự tin bày tỏ ý kiến.  3, Thái độ  - Học sinh năm rõ về đột biết vân dụng vào đời sống.  **Luyện tập**  Nêu các dạng đột biến và vận dụng | Tranh phóng to hình 22 SGK  Tranh phóng to hình 23.1; 23.2 SGK; H 29.1; 29.2 SGK. | Chương IV. Lệnh trang 67- (Không yêu cầu hs trả lời lệnh) |  |  |
| **13** | **Bài 24:Đột biến số lượng nhiễm sắc thể (tiếp theo)**  1.Kiến thức  - Học sinh phân biệt được hiện tượng đa bội thể và thể đa bội.  - Trình bày được sự hình thành thể đa bội do nguyên phân, giảm phân và phân biệt sự khác nhau giữa 2 trường hợp trên.  - Nhận biết được một số thể đa bội bằng mắt thường qua tranh ảnh và có được các ý niệm sử dụng các đặc điểm của thể đa bội trong chọn giống.  2, Kỹ năng  - Kĩ năng hợp tác ứng xữ, giao tiếp lắng nghe tích cực  - Kĩ năng thu thập và xữ lí thông tin khi đọc SGK, quan sát ảnh, phim, internet…để tìm hiểu khái niệm nguyên nhân phát sinh và tính chất của ĐB số lượng NST  - Kĩ năngtự tin bày tỏ ý kiến.  3. Thái độ  - Sử dụng các đặc điểm của thể đa bội trong chọn giống.  **Bài 25: Thường biến**  1, Kiến thức  - Học sinh nắm được khái niệm thường biến.  - Phân biệt sự khác nhau giữa thường biến với đột biến về 2 phương diện: khả năng di truyền và sự biểu hiện thành kiểu hình.  - Trình bày được khái niệm mức phản ứng và ý nghĩa của nó trong chăn nuôi và trồng trọt.  - Trình bày được ảnh hưởng của môi trường sống với tính trạng số lượng và mức phản ứng của chúng để ứng dụng trong việc nâng cao năng suất vật nuôi và cây trồng.  2, Kỹ năng  - Rèn kỹ năng quan sát, kỹ năng phân tích thông tin.  3, Thái độ  - Học sinh ứng dụng được trong sản xuất vật nuôi và cây trồng.  **Luyện tập;**  Sơ đò đô biến, tính số NST ở các dạng đột biến | Tranh phóng to hình 24.1 đến 24.5 SGK.  hình 25 SGK. | Chương IV. Phần IV. Sự hình thành thể đa bội  (Không dạy**)** |  |  |
| **14** | **Bài 26:TH- Nhận biết một vài dạng đột biến**  **1**. Kiến thức  - Học sinh nhận biết 1 số đột biến hình thái ở thực vật và phân biệt sự sai khác về hình thái của thân, lá, hoa, quả, hạt giữa thể lưỡng bội và thể đa bội trên tranh, ảnh.  - Nhận biết được một số hiện tượng mất đoạn NST trên ảnh chụp hoặc trên tiêu bản hiển vi.  2. Kỹ năng  - Kĩ năng hợp tác, ứng xữ giao tiếp trong nhóm.  - Rèn kĩ năng thu thập và xử thông tin khi quan sát xác định tong dạng đột biến.  - Kĩ năng quản lí thời gian và trách nhiệm được phân công.  3, Thái độ  - Biết một số dạng đột biến trong tự nhiên**.**  **Bài 27:TH- Quan sát thường biến**  **.** Kiến thức  - Học sinh nhận biết một số thường biến phát sinh ở một số đối tượng thường gặp qua tranh, ảnh và mẫu vật sống.  - Qua tranh, ảnh HS phân biệt sự khác nhau giữa thường biến và đột biến.  - Qua tranh ảnh và mẫu vật sống rút ra được:  + Tính trạng chất lượng phụ thuộc chủ yếu vào kiểu gen, không hoặc rất ít chịu tác động của môi trường.  + Tính trạng số lượng thường chịu ảnh hưởng nhiều của môi trường.  2, Kỹ năng  - Kĩ năng hợp tác, ứng xữ giao tiếp trong nhóm.  - Rèn kĩ năng thu thập và xử thông tin khi quan sát xác định thường biến  - Kĩ năng quản lí thời gian và trách nhiệm được phân công.  3, Thái độ  - Học sinh có thái độ tích cực khi thực hành  **Luyện tập**  Sơ đồ đột biến | Các nhóm sưu tầm hình ảnh về thường biến và đột biến |  |  |  |
| **15** | **Bài 28: Phương pháp nghiên cứu di truyền người**  1, Kiến Thức  - Học sinh phải sử dụng được phương pháp nghiên cứu phả hệ để phân tích sự di truyền 1 vài tính trạng hay đột biến ở người.  - Phân biệt được 2 trường hợp: sinh đôi cùng trứng và sinh đôi khác trứng.  - Hiểu được ý nghĩa của phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh trong nghiên cứu di truyền từ đó giải thích được 1 số trường hợp thường gặp.  2, Kỹ năng  - Kỹ năng thu thập và xử lí thông tin khi đọc SGK để tìm hiểu các phương pháp nghiên cứu DTN  - Kỹ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ lớp.  3, Thái độ  - Học sinh nghiêm túc tìm hiểu từ đó hiểu về di truyền người hơn.  **Bài 29: Bệnh và tật di truyền ở người**  **1**. Kiến thức:  -Nhận biết được bệnh đao và bệnh tơcnơ qua các đặc điểm hình thái của bệnh nhân.  -Nêu được các đặc điểm di truyền của bệnh bạch tạng, câm điếc bẩm sinh và tật sáu ngón tay.  -Xác định được nguyên nhân phát sinh các bệnh và tật di truyền.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp.  3. Thái độ:  -Có quan điểm duy vật biện chứng.  -Có thái độ đúng đắn đối với một số bệnh, tật di truyền.  **Luyện tập** | ảnh về trường hợp sinh đôi.  H.29.1 - 3 |  |  |  |
| **16** | **Bài 30: Di truyền học với con người**  1. Kiến thức:  -Biết được di truyền học tư vấn và nội dung của nó.  -Giải thích được cơ sở di truyền của hôn nhân 1 vợ – 1 chồng, kết hôn sau 4 đời.  -Giải thích được vì sao phụ nữ sau 35 tuổi không nên sinh con.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp.  3. Thái độ:  -Có quan điểm duy vật biện chứng.  -Có thái độ chấp hành ngiêm túc luật hôn nhân và gia đình, chính sách KHHGĐ của nhà nước.  **Bài 31: Công nghệ tế bào**  1, Kiến thức  - Học sinh phải hiểu được khái niệm công nghệ tế bào, nắm được những giai đoạn chủ yếu của công nghệ tế bào và hiểu được tại sao cần thực hiện các công nghệ đó.  - Trình bày được những ưu điểm của nhân giống vô tính trong ống nghiệm và phương hướng ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô và tế bào trong chọn giống.  2. Kỹ năng  - Rèn kỹ năng thu nhận thông tin  - Kỹ năng hoạt động nhóm  3. Thái độ  - Học sinh có thái độ tích cực lĩnh hội tri thức và ứng dụng trong tự nhiên.  **Luyện tập** | bảng 30.1 - 2.  hình 31 SGK. |  |  |  |
| **17** | **Bài 32: Công nghệ gen**  1.Kiến thức  - Học sinh hiểu được khái niệm kĩ thuật gen, trình bày được các khâu trong kĩ thuật gen.  - Học sinh nắm được công nghệ gen, công nghệ sinh học.  - Từ kiến thức về khái niệm kĩ thuật gen, công nghệ gen, công nghệ sinh học HA biết ứng dụng của kĩ thuật gen, các lĩnh vực của công nghệ sinh học hiện đại và vai trò của từng lĩnh vực trong sản xuất và đời sống.  2. Kỹ năng  - Kỹ năng quan sát, kỹ năng nhận biết  3. Thái độ  - ứng dụng vào trong thực tiễn  **(Bài 33: Gây đột biến nhân tạo trong chọn giống)**  **Luyện tập** | hình 32 SGK | Gây đột biến nhân tạo trong chọn giống (Đọc thêm) |  |  |
| **18** | **Bài 34: Thoái hoá do tự thụ phấn và do giao phối gần**  1. Kiến thức:  -Biết được phương pháp tạo dũng thuần ở cây giao phấn  -Biết giải thích sự thoái hóa của tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, tổng hợp.  3. Thái độ:  -Có thái độ đúng đắn trong sản xuất và đời sống.  **Bài 35:Ưu thế lai**  1. Kiến thức:  -Nêu được khái niệm ưu thế lai, cơ sở khoa học của hiện tượng ưu thế lai.  -Xác định được các phương pháp thường dùng ưu thế lai.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, vận dụng thực tế.  3. Thái độ:  -Có thái độ đúng đắn trong sản xuất và đời sống.  **Luyện tập** | hình 34.1 - 3.  hình 35. |  |  |  |
| **19** | **(Bài 36: Các phương pháp chọn lọc)**  **Bài 38: TH - Tập dượt thao tác giao phấn**  1, Kiến thức  - Học sinh trình bày được các thao tác giao phấn ở cây tự thụ phấn và cây giao phấn.  - Củng cố lí thuyết về lai giống.  2, Kỹ năng  - Rèn kỹ năng quan sát, kỹ năng thực hành.  3, Thái độ  - HS biết cách thụ phấn ứng dụng vào sản xuất cua gia đình.  **Luyện tập:**  **TH - Tập dượt thao tác giao phấn** | Tranh phóng to H 38 SGK, tranh phóng to cấu tạo 1 hoa lúa.  - - Băng đĩa hình về các thao tác giao phấn. | Các phương pháp chọn lọc (Đọc thêm) |  |  |
| **20** | **(Bài 39: Thực hành – Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng)**  **Bài 40: Ôn tập học kì I**  **Kiểm tra 1 tiết** |  | **Không dạy cả bài** |  |  |
| **21** | **Ôn tập** |  |  |  |  |
| **22** | **Ôn tập** |  |  |  |  |
| **23** | **Ôn tập** |  |  |  |  |
| **24** | **Sửa bài thi**  **Ôn lại kiến thức HKI** |  |  |  |  |
| **25** | **Bài 41:Môi trường và các nhân tố sinh thái**  1. Kiến thức:  -Nêu được khái niệm môi trường sống và các loại môi trường sống của sinh vật.  -Phân biệt được các nhân tố sinh thái và biết được các giới hạn sinh thái.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, vận dụng thực tế, so sánh  3. Thái độ:  -Có ý thức bảo vệ môi trường  **Bài 42: Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật**  **1**, Kiến thức  - Học sinh nắm được những ảnh hưởng của nhân tố ánh sáng đến các đặc điểm hình thái, giải phẫu, sinh lí và tập tính của sinh vật.  - Giải thích được sự thích nghi của sinh vật với môi trường.  2, Kỹ năng  - Kỹ năng tìm kiếm và xữ lí thông tin khi đọc SGK  - Kỹ năng hợp tác, lắng nghe tích cực  - Kỹ năng tự tin trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp.  3, Thái độ.  - Học sinh có ý thức học tập bộ môn.  **Luyện tập** | hình 41.1 - 2.  H 42.1; 42.2 SGK.  - Sưu tầm một số lá cây ưa sáng; lá lúa, lá cây ưa bóng: lá lốt, vạn niên thanh.  - Thí nghiệm tính hướng sáng của cây xanh. |  |  |  |
| **26** | **Bài 43: Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật**  1, Kiến thức  - Học sinh nắm được những ảnh hưởng của nhân tố sinh thái nhiệt dộ và độ ẩm môi trường đến các đặc điểm về sinh thái, sinh lí và tập tính của sinh vật.  - Giải thích được sự thích nghi của sinh vật.  2, Kỹ năng  - Kỹ năng tìm kiếm và xữ lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh và các tài liệu để tìm hiểu tác động của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật.  - Kỹ năng hợp tác, lắng nghe tích cực  - Kỹ năng tự tin trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp.  3, Thái độ  - Giáo dục học sinh ý thức yêu thích bộ môn.  **Bài 44: Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật**  1, Kiến thức:  - Học sinh hiểu và nắm được thế nào là nhân tố sinh vật.  - Nêu được mối quan hệ giữa các sinh vật cùng loài và sinh vật khác loài.  2, Kỹ năng:  - Kỹ năng ra quyết định khi vận dụng kiến thức vào thực tế: cần tách đàn, tỉa cây để tăng năng suất vật nuôi cây trồng.  - Kỹ năng tìm kiếm xữ lí thông tin khi đọc SGK và các ví dụ để tìm hiểu về các mối quan hệ cùng loài và khác loài.  - Kỹ năng lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ ý tưởng hợp tác trong hoạt động nhóm.  3, Thái đô:  - Học sinh có ý thức học tập bộ môn.  **Luyện tập** | H 43.1; 43.2; 43.3 SGK.PHT  H 44.1; 44.2; 44.3 SGK.  - Tranh ảnh sưu tầm về quan hệ cùng loài, khác loài. |  |  |  |
| **27** | **Bài 45, 46 :TH- Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật**  . 1, Kiến thức  - Học sinh được những dẫn chứng về ảnh hưởng của nhân tố sinh thái ánh sáng và độ ẩm lên đời sống sinh vật ở môi trường đã quan sát.  2, Kỹ năng  - Kỹ năng thu thập và xữ lí thông tin khi đọc SGK và các tài liệu khác, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về môi trường, các NTST và ảnh hưởng của chúng lên đời sống SV  - Kỹ năng ứng phó với các tình huống xảy ra trong quá trình tìm kiếm thông tin  - Kỹ năng hợp tác lắng nghe tích cực  - Kỹ năng tự tin trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp.  3, Thái độ  - Qua bài học, HS thêm yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ thiên nhiên  **Luyện tập** |  |  |  | **Kiểm tra 15 p** |
| **28** | **Bài 47 : Quần thể sinh vật**  1, Kiến thức:  - Học sinh nắm được khái niệm, cách nhận biết quần thể sinh vật, lấy VD.  - Chỉ ra được các đặc trưng cơ bản của quần thể từ đó thấy được ý nghĩa thực tiễn của nó.  2, Kỹ năng:  - Rèn kỹ năng quan sát, kỹ năng khai thác thông tin.  - Kỹ năng thu thập và xữ lí thông tin khi đọc SGK để tìm hiểu khái niệm QTSV, các đặc trưng cơ bản của QT  3, Thái độ:  - Học sinh tích cực học tập bộ môn.  **Bài 48: Quần thể người**  **1**. Kiến thức:  -Trình bày được đặc điểm cơ bản của QT người liên quan đến dân số.  -Giải thích được vấn đề dân số trong phát triển xã hội.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, liên hệ thực tế.  3. Thái độ:  -Xây dựng ý thức về kế hoạch hoá gia đình và thực hiện pháp lệnh dân số.  **Luyện tập** | hình 47 SGK.  H.48 SGK, bảng phụ 48.1 - 2 |  |  |  |
| **29** | **Bài 49: Quần xã sinh vật**  1. Kiến thức:  -Trình bày được khái niệm quần xã, phân biệt được quần xã với quần thể.  -Hiểu được mối quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã sinh vật.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, liên hệ thực tế.  3. Thái độ:  -Yêu và bảo vệ thiên nhiên.  **Bài 50: Hệ sinh thái**  1, Kiến thức:  - Học sinh hiểu được khái niệm hệ sinh thái, nhận biết được hệ sinh thái trong thiên nhiên.  - Nắm được chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, cho được VD.  - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp nông nghiệp nâng cao năng suất cây trồng đang sử dụng rộng rãi hiện nay.  2, Kỹ năng:  - Kĩ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ lớp.  - Kĩ năng lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ ý tưởng.  - Kĩ năng tìm kiếm xữ lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về khái niệm HST, chuổi thức ăn và lưới thức ăn.  3, Thái độ:  - Có ý thức học tập bộ môn.  **Luyện tập** | H.49.1 - 3 SGK.  H 50.1; 50.2 SGK |  |  |  |
| **30** | **Bài 51,52: TH : Hệ sinh thái**  **1**, Kiến thức:  - Giúp hs trình bày được các thành phần của hệ sinh thái và một chuỗi thức ăn.  2, Kỹ năng:  - Kĩ năng thu thập và xữ lí thông tin khi đọc SGK để tìm hiểu phương pháp thực hành, xây sựng kế hoạch tìm ra mối quan hệ giữa sinh vật với sinh vật trong HST  - Kĩ năng hợp tác nhóm và kĩ năng giao tiếp  - Kĩ năng quản lí thời gian và đảm nhận trách nhiệm được phân công  3, Thái độ:  - Giáo dục cho hs lòng yêu thiên nhiên và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.  **Luyện tập** |  |  |  |  |
| **31** | **Kiểm tra 1 t**  **Bài 53: Tác động của con người đối với môi trường**  1. Kiến thức:  -Thấy được hoạt động của con người làm biến đổi môi trường.  2. Kỹ năng:  -Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, liên hệ thực tế.  3. Thái độ:  -Có ý thức bảo vệ môi trường.  **Luyện tập** | H.53.1 - 3, bảng phụ 53.1 SGK. |  |  | **Kiểm tra 15p** |
| **32** | **Bài 54: Ô nhiễm môi trường**  **Bài 55: Ô nhiễm môi trường (tiếp)**  **,** Kiến thức:  - Học sinh nắm được các nguyên nhân gây ô nhiễm, từ đó có ý thức bảo vệ môi trường sống.  - Hiểu được hiệu quả của việc phát triển môi trường bền vững, qua đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.  2, Kỹ năng:  - Kĩ năng thu thập xữ lí thông tin khi đọc SGK để tìm hiểu về các tác nhân gây ÔNMT, hậu quả của ÔNMT ở địa phương và trên thế giới.  - Kĩ năng hợp tác trong nhóm, lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng tự tin trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp.  3, Thái độ:  - Giáo dục học sinh bảo vệ môi trường.  **Luyện tập** | H 54.1 tới 54.4 SGK.  H 55.1 tới 55.4 SGK |  |  |  |
| **33** | **Bài 56, 57: Thực hành – Tìm hiểu môi trường địa phương**  1, Kiến thức:  - Giúp hs chỉ ra được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở địa phương và từ đó dề xuất các biện pháp khắc phục, nâmg cao nhận thức của hs đối với công tác chống ô nhiễm môi trường.  2, Kỹ năng:  - Kĩ năng tìm kiếm và xữ kí thông tin về tình hình môi trường địa phương.  - Kĩ năng lập kế hoạch tìm hiểu môi trường địa phương  - Kĩ năng hợp tác giao tiếp có hiệu quả khi điều tra tình hình môi trường ở địa phương  - Kĩ năng ra quyết định hành động góp phần bảo vệ MT ở địa phương  - Kĩ năng giải quyết vấn đề  3, Thái độ:  - Giáo dục cho hs ý thức phònh chống ô nhiễm môi trường.  **Luyện tập** | Bảng 56.1 và 56.3 |  |  |  |
| **34** | **Bài 58: Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên**  1, Kiến thức:  - Sau khi học xong bài này hs đạt được các mục tiêu sau:  - Giúp hs phân biệt được 3 dạng tài nguyên thiên nhiên, nêu được tầm quan trọng và tác dụng của việc sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên và khái niệm phát triển bền vững.  2, Kỹ năng:.  - Kĩ năng thu thập xữ lí thông tin để tìm hiểu về các dạng TNTN chủ yếu, cách sử dụng TNTN hợp lí  - Kĩ năng hợp tác trong nhóm, lắng nghe tích cực.  - Kĩ năng tự tin trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp.  3, Thái độ:  - Giáo dục cho hs ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên.  **Bài 59: Khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã; Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái**  1, Kiến thức:  - Học sinh phải giải thích được vì sao cần khôi phục môi trường, giữ gìn thiên nhiên hoang dã, đồng thời nêu được ý nghĩa của các biện pháp bảo vệ thiên nhiên hoang dã.  2, Kỹ năng:  - Rèn kỹ năng khai thác thông tin.  3, Thái độ:  - Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.  **Luyện tập** | 58.1; 58.2 SGK**.**  hình 59 SGK**.** |  |  |  |
| **35** | **Bài 60: Khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã; Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái**  1, Kiến thức:  - Học sinh phải đưa ra được VD minh họa các kiểu hệ sinh thái chủ yếu.  - Trình bày được hiệu quả của các biện pháp bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái, từ đó đề xuất được những biện pháp bảo vệ phù hợp với hoàn cảnh của địa phương.  2, Kỹ năng:  - Rèn kỹ năng thu thập và khai thác thông tin.  3, Thái độ:  - Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.  **Bài 61: Luật bảo vệ môi trường**  **Luyện tập** | Sưu tầm những tranh ảnh về hệ sinh thái | Soạn giảng dành khoảng 20 phút cho bài tập của phần Luật bảo vệ môi trường, khoảng thời gian còn lại làm các bài tập khác trong các bài HS đã học trong chương |  |  |
| **36** | **Bài 62: TH - Vận dụng Luật Bảo vệ môi trường**  - Học sinh phải nắm được sự cần thiết phải có luật bảo vệ môi trường.  - Những nội dung chính của luật bảo vệ môi trường.  - Trách nhiệm của mỗi HS nói riêng, mỗi người dân nói chung trong việc chấp hành luật.  **Luyện tập** |  |  |  |  |
| **37** | **Bài 63: Ôn tập phần SV và MT**  **Kiểm tra 1 tiết**  **Luyện tập** |  |  |  |  |
| **38** | **Ôn tập** |  |  |  |  |
| **39** | **Ôn tập** |  |  |  |  |
| **40** | **Kiểm tra học kì II** |  |  |  |  |
| **41** | **Bài 64: Tổng kết chương trình toàn cấp**  **Luyện tập** |  |  |  |  |
| **42** | **Bài 64: Tổng kết chương trình toàn cấp (tt)**  **Luyện tập** |  |  |  |  |
|  | **HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH** |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG** |  | *…TPHCM., ngày 8…. tháng 10… năm 2017*  **TỔ TRƯỞNG** |

**Lê Kim Nhung**